

**BỘ TƯ PHÁP**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

**Mã ngành đào tạo: 7380109**

**HÀ NỘI - 2021**

Số: 2263/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học  
ngành Luật Thương mại quốc tế của Trường Đại học Luật Hà Nội

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí.

**QUYẾT ĐỊNH:**

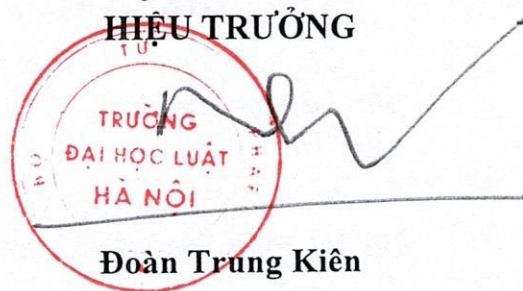
**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế của Trường Đại học Luật Hà Nội áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm học 2021-2022.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2747/QĐ-ĐHLHN ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HĐ Trường (để b/c);
- Đảng uỷ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Lưu: VT, ĐBCLĐT&KT.



## **1. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế
- Tên tiếng Anh: Major in International Trade and Business Law
- Tên Chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế
- Mã ngành đào tạo của CTĐT: 7380109.
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Phương thức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh CTĐT: Tháng 6/2021

## **2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC**

### **2.1. Sứ mạng của Trường Đại học Luật Hà Nội**

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

### **2.2. Tầm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Luật Hà Nội**

Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

### **2.3. Giá trị cốt lõi**

*Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập*

### **2.4. Triết lý giáo dục**

Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

## **3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **3.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế của Trường Đại học Luật Hà Nội được xây dựng nhằm đào tạo các cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề luật tốt, có tri thức và sức khỏe, có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật thương mại quốc tế, kỹ năng và tiếng Anh chuyên ngành nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

### 3.2. Mục tiêu cụ thể

- **G1:** Người học có kiến thức cơ bản về một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hoá, lịch sử, tâm lý và quản lý;

- **G2:** Người học có kiến thức lý thuyết vững chắc về nhà nước và pháp luật, kiến thức vững chắc về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam và pháp luật quốc tế;

- **G3:** Người học có kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tế vững chắc, chuyên sâu về luật thương mại quốc tế, kiến thức tiếng Anh pháp lý chuyên ngành về Luật thương mại quốc tế;

- **G4:** Người học có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Kỹ năng luật gia cơ bản và nâng cao, kỹ năng nghiên cứu về phân tích án lệ, kỹ năng thực thi pháp luật, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng tư vấn pháp luật, kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính chất pháp lý liên quan đến các công việc được giao, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện việc làm thay đổi;

- **G5:** Người học có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề, có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng dân chủ và văn minh, có tinh thần chủ động, tự tin dám chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức pháp lý, có tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

### 3.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
<b>5 mục tiêu cụ thể của CTĐT</b>	Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội	Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.	<b>Con người</b> <b>Chất lượng</b> <b>Thương hiệu</b> <b>Hội nhập.</b>	Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

	chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.			
<p><b>Mục tiêu G1:</b></p> <p>Người học có kiến thức cơ bản về một số ngành khoa học về chính trị kinh tế, văn hoá, lịch sử, tâm lý và quản lý.</p>	<p>Sứ mạng <b>đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao</b>; nghiên cứu, chuyên giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý <b>phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</b></p>	<p>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; <b>trường trọng điểm về đào tạo pháp luật</b>, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý <b>hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</b></p>	<p><b>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</b></p>	<p>Tạo nên những con người <b>ham học hỏi, biết làm việc</b>, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>
<p><b>Mục tiêu G2:</b></p> <p>Người học có kiến thức lý thuyết vững chắc về nhà nước và pháp luật, kiến thức vững chắc về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam và pháp luật quốc tế.</p>	<p>Sứ mạng <b>đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao</b>; nghiên cứu, chuyên giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý <b>phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</b></p>	<p>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; <b>trường trọng điểm về đào tạo pháp luật</b>, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý <b>hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</b></p>	<p><b>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</b></p>	<p>Tạo nên những con người <b>ham học hỏi, biết làm việc</b>, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>
<p><b>Mục tiêu G3:</b></p> <p>Người học có kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tế vững chắc, chuyên sâu về luật</p>	<p>Sứ mạng <b>đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao</b>; nghiên cứu, chuyên giao các</p>	<p>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; <b>trường trọng điểm về đào tạo</b></p>	<p><b>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</b></p>	<p>Tạo nên những con người <b>ham học hỏi, biết làm việc</b>, sẵn sàng bảo</p>

<p>thương mại quốc tế, kiến thức tiếng Anh pháp lý chuyên ngành về Luật thương mại quốc tế.</p>	<p>sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý <i>phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</i></p>	<p><i>pháp luật</i>, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý <i>hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</i></p>		<p>vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>
<p><b>Mục tiêu G4:</b> Người học có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: kỹ năng luật gia cơ bản và nâng cao, kỹ năng nghiên cứu về phân tích án lệ, kỹ năng thực thi pháp luật, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng tư vấn pháp luật, kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính chất pháp lý liên quan đến các công việc được giao, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện việc làm thay đổi.</p>	<p>Sứ mạng <i>đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao</i>; nghiên cứu, chuyên gia các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý <i>phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</i></p>	<p>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; <i>trường trọng điểm về đào tạo pháp luật</i>, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý <i>hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</i></p>	<p><i>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</i></p>	<p>Tạo nên những con người <i>ham học hỏi, biết làm việc</i>, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>
<p><b>Mục tiêu G5:</b> Người học có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề, có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội,</p>	<p>Sứ mạng <i>đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao</i>; nghiên cứu, chuyên gia các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý <i>phục vụ sự</i></p>	<p>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; <i>trường trọng điểm về đào tạo pháp luật</i>, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý <i>hàng đầu của Việt Nam, có vị</i></p>	<p><i>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</i></p>	<p>Tạo nên những con người <i>ham học hỏi, biết làm việc</i>, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</p>

góp phần xây dựng xã hội công bằng dân chủ và văn minh, có tinh thần chủ động, tự tin dám chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức pháp lý, có tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.	<i>nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.</i>	<i>thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</i>		
---	--	---	--	--

#### 4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 4.1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

###### a) Yêu cầu về kiến thức:

<b>K1</b>	Kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế.
<b>K2</b>	Kiến thức của một số ngành khoa học văn hoá, lịch sử.
<b>K3</b>	Kiến thức của một số ngành khoa học tâm lý, quản lý.
<b>K4</b>	Kiến thức về lý luận về nhà nước và pháp luật.
<b>K5</b>	Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam thuộc lĩnh vực pháp luật cơ bản như Hiến pháp.
<b>K6</b>	Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về tổ chức bộ máy nhà nước.
<b>K7</b>	Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về hành chính và tổ tụng hành chính.
<b>K8</b>	Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự.
<b>K9</b>	Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.
<b>K10</b>	Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế.
<b>K11</b>	Kiến thức chuyên ngành mang tính cơ bản thuộc nhóm Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của Nhà nước và các thực thể công khác.
<b>K12</b>	Kiến thức chuyên ngành mang tính cơ bản thuộc nhóm Luật thương mại quốc tế có sự tham gia chủ yếu của các thương nhân.
<b>K13</b>	Kiến thức tiếng Anh pháp lý chuyên ngành Luật thương mại quốc tế.



<b>K14</b>	Đạt trình độ ngoại ngữ Bậc 3, Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
<b>K15</b>	Kiến thức khác như xây dựng văn bản pháp luật.
<b>K16</b>	Kiến thức về luật thi hành án dân sự.
<b>K17</b>	Kiến thức về luật môi trường.
<b>K18</b>	Kiến thức về luật nhà ở.
<b>K19</b>	Kiến thức về pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

**b) Yêu cầu về kỹ năng:**

<b>S20</b>	Kỹ năng luật gia.
<b>S21</b>	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ Việt Nam.
<b>S22</b>	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ, nhất là các án lệ quốc tế.
<b>S23</b>	Kỹ năng luật gia cơ bản: Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình, kỹ năng nghe, ghi chú, phân tích, bình luận, phản biện và trình bày các vấn đề pháp lý.
<b>S24</b>	Kỹ năng thực thi pháp luật, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng tư vấn pháp luật.
<b>S25</b>	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc được giao.
<b>S26</b>	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh: Sinh viên tốt nghiệp đạt tối thiểu 450 điểm theo chuẩn TOEIC.
<b>S27</b>	Kỹ năng luật gia nâng cao, kỹ năng diễn án giả tưởng.
<b>S28</b>	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.
<b>S29</b>	Kỹ năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch công việc.
<b>S30</b>	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và bảo vệ quan điểm của mình.
<b>S31</b>	Kỹ năng phối hợp với các đồng nghiệp (làm việc nhóm).

**c) Yêu cầu về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

<b>T32</b>	Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật.
<b>T33</b>	Tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia.
<b>T34</b>	Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề.
<b>T35</b>	Ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.
<b>T36</b>	Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.
<b>T37</b>	Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.
<b>T38</b>	Tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc.
<b>T39</b>	Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

#### ***d) Vị trí việc làm sau tốt nghiệp***

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể đảm nhiệm được các công việc có sử dụng đến kiến thức và kỹ năng ngành Luật Thương mại quốc tế thuộc các nhóm công việc bao gồm:

(i). *Thực hiện các công việc về lập pháp, hành pháp, tư pháp tại các cơ quan nhà nước, nhất là các hoạt động liên quan tới pháp luật thương mại quốc tế.* Cụ thể là: Thực hiện các công việc mang tính pháp lý tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan hành chính nhà nước; tham gia thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại Toà án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án và các cơ quan tư pháp khác; thực hiện các công việc mang tính pháp lý tại các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự và cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế.

(ii). *Thực hiện các công việc hỗ trợ tư pháp về các vấn đề liên quan đến pháp luật thương mại quốc tế và tư vấn pháp lý* gồm: Trọng tài thương mại quốc tế; tranh tụng thương mại quốc tế; tư vấn cho khách hàng trong nước và nước ngoài về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế tại các công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trọng tài thương mại; tư vấn tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức trong nước và nước ngoài về các vấn đề pháp lý liên quan (soạn thảo và đàm phán, giao kết các hợp đồng thương mại quốc tế; tư vấn khởi kiện và giải quyết tranh chấp tại các cơ quan tài phán quốc tế...).

(iii). *Giảng dạy, nghiên cứu pháp luật:* Tham gia giảng dạy môn học về luật thương mại quốc tế và một số môn học có liên quan tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; tham gia nghiên cứu khoa học với tư cách là nghiên cứu viên tại các cơ quan thực hành pháp luật, các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu,...

#### ***e) Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp***

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể tiếp tục theo học:

- Khoá đào tạo các chức danh tư pháp (như thẩm phán, công chứng viên, chấp hành viên, luật sư...);
- Khoá đào tạo luật hoặc ngành gần ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo luật trong nước và nước ngoài;
- Khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành khác tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài.

#### ***g) Các CTĐT, tài liệu, chuẩn mà Trường tham khảo***

\* CTĐT ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội

\* Các CTĐT ngành Luật của nước ngoài

CTĐT ngành Luật Thương mại quốc tế chủ yếu được thiết kế dựa trên sự tham khảo các học phần của các trường đại học trên thế giới và các tổ chức quốc tế, cụ thể:

STT	Tên học phần	Tên trường đại học/tổ chức quốc tế có giảng dạy học phần	Học phần tương ứng trong CTĐT ngành LTMQT
1.	International Business and Trade Law	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế
2.	International Trade	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Quan hệ kinh tế quốc tế
3.	International Trade Law	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế
4.	Advanced International Trade Law	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế
5.	International Trade and the WTO	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Luật WTO
6.	World Trade Law	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Luật WTO
7.	International Economic Law and Relations	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Luật WTO Các tổ chức kinh tế quốc tế Luật đầu tư quốc tế
8.	WTO Law	- WTO - Trường Đại học Tổng hợp Tây Anh Quốc (UWE)	Luật WTO
9.	WTO: Dumping, Subsidies and Safeguards	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Luật WTO
10.	Trade Remedy Law	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO
11.	Free Trade Agreements and the WTO	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Luật WTO

12.	NAFTA and Other Regional Trade Agreements	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế
13.	Conflicts of Laws: Choice of Law	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Tư pháp quốc tế
14.	Conflict of Laws	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Tư pháp quốc tế
15.	International Commercial law	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Hợp đồng thương mại quốc tế
16.	International Business Transactions	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Hợp đồng thương mại quốc tế
17.	International Business Transactions Seminar	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Hợp đồng thương mại quốc tế
18.	International Business Transactions and Dispute Resolution	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế
19.	International Commercial Arbitration	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Trọng tài thương mại quốc tế
20.	International Arbitration	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Trọng tài thương mại quốc tế
21.	Litigation Practice in International Arbitration	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Trọng tài thương mại quốc tế
22.	Foreign Direct Investment	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Luật đầu tư quốc tế
23.	International Investment Law	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Luật đầu tư quốc tế
24.	Investor-State Dispute Settlement	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài

25.	Graduate Seminar: Investor-State Dispute Settlement	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài
26.	Dispute Resolution Under International Trade and Investment Agreements	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế
27.	Arbitration of Investment Disputes	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài
28.	Choice of Law for International Contracts in Asia	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Hợp đồng thương mại quốc tế
29.	Carriage of Goods by Sea	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế
30.	Maritime Law	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế
31.	International Regulation of Shipping	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế
32.	ASEAN Economic Community Law and Policy	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Pháp luật Cộng đồng ASEAN
33.	Negotiating & Drafting International Commercial Transactions	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Hợp đồng thương mại quốc tế
34.	International Alternative Dispute Resolution	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế
35.	International Moots and Other Competitions	Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Singapore (NUS)	Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế
36.	International Contracts	Trường Đại học Tổng hợp Tây Anh Quốc (UWE)	Hợp đồng thương mại quốc tế
37.	European Union Law	Trường Đại học Tổng hợp Tây Anh Quốc (UWE)	Pháp luật Liên minh châu Âu

38.	International Intellectual Property Law	- WIPO - Trường Đại học Tổng hợp Tây Anh Quốc (UWE)	Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế
39.	International Negotiations	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế
40.	Pre-Negotiation Strategies for Cross-Border Transactions	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới
41.	Intellectual Property in World Trade	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế
42.	Regulation of International Securities Markets	Trường Đại học Tổng hợp Georgetown, Hoa Kỳ	Luật Tài chính
43.	International Litigation	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế
44.	International Banking	Trường Đại học Tổng hợp George Washington, Hoa Kỳ	Thanh toán quốc tế

#### 4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu của các chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu G1	Mục tiêu G2	Mục tiêu G3	Mục tiêu G4	Mục tiêu G5
<b>* Kiến thức</b>					
K1: Kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế	x				
K2: Kiến thức của một số ngành khoa học văn hoá, lịch sử	x				
K3: Kiến thức của một số ngành khoa học tâm lý, quản lý	x				
K4: Kiến thức về lý luận về nhà nước và pháp luật		X			
K5: Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam thuộc lĩnh vực pháp luật cơ bản như Hiến pháp		X			
K6: Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về tổ chức bộ máy nhà nước		X			

K7: Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về hành chính và tổ tụng hành chính		X			
K8: Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự		X			
K9: Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự		X			
K10: Kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam về công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế		X			
K11: Kiến thức chuyên ngành mang tính cơ bản thuộc nhóm Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của Nhà nước và các thực thể công khác			x		
K12: Kiến thức chuyên ngành mang tính cơ bản thuộc nhóm Luật thương mại quốc tế có sự tham gia chủ yếu của các thương nhân			x		
K13: Kiến thức tiếng Anh pháp lý chuyên ngành Luật thương mại quốc tế			x		
K14: Đạt trình độ Ngoại ngữ Bậc 3, Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam			x		
K15: Kiến thức khác như xây dựng văn bản pháp luật		X			
K16: Kiến thức về luật thi hành án dân sự		X			
K17: Kiến thức về luật môi trường		X			
K18: Kiến thức về luật nhà ở		X			
K19: Kiến thức về pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ		X			
<b>* Kỹ năng</b>					
S20: Kỹ năng luật gia				x	
S21: Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ của Việt Nam				x	
S22: Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ, nhất là các án lệ quốc tế				x	
S23: Kỹ năng luật gia cơ bản: Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình, kỹ năng nghe, ghi chú, phân tích, bình luận, phản biện và trình bày các vấn đề pháp lý				x	
S24: Kỹ năng thực thi pháp luật, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng tư vấn pháp luật				x	
S25: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc được giao				x	

S26: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh: Sinh viên tốt nghiệp đạt tối thiểu 450 điểm theo chuẩn TOEIC				X	
S27: Kỹ năng luật gia nâng cao, kỹ năng diễn án giả tưởng				X	
S28: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin				X	
S29: Kỹ năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch công việc				X	
S30: Kỹ giao tiếp, thuyết trình và bảo vệ quan điểm của mình				X	
S31: Kỹ năng phối hợp với các đồng nghiệp (làm việc nhóm)				X	
<b>* Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm</b>					
T32: Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật					X
T33: Tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia					X
T34: Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề					X
T35: Ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh					X
T36: Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc					X
T37: Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe					X
T38: Tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc					X
T39: Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng					X

## 5. THÔNG TIN TUYỂN SINH

### 5.1. Khối tuyển sinh (Tổ hợp xét tuyển):

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Xét tuyển thẳng; xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT: lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12; xét tuyển trên cơ sở kết quả kỳ thi tốt nghiệp PTTH theo các tổ hợp A01, D01.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Thi 02 môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của Chương trình đào tạo.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Xét tuyển theo các tổ hợp như tuyển sinh VB1 hình thức đào tạo chính quy ngành Luật Thương mại quốc tế.



- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập văn bằng đại học thứ nhất.

## **5.2. Các đợt tuyển sinh:**

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch tuyển sinh của Trường.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: 02 đợt trong năm tuyển sinh.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Tuyển sinh liên tục trong năm.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Tuyển sinh liên tục trong năm.

## **5.3. Chỉ tiêu tuyển sinh**

Được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

## **5.4. Điều kiện tuyển sinh**

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Thí sinh tốt nghiệp THPT; trung cấp; cao đẳng.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Thí sinh tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Thí sinh tốt nghiệp THPT; trung cấp; cao đẳng.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Thí sinh tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.

## **5.5. Phương thức tuyển sinh**

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam; các thí sinh đạt giải các kỳ thi quốc tế;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho ngành tuyển sinh;

+ Xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ;

- Hình thức đào tạo chính quy VB2: Xét tuyển thẳng đối với các thí sinh có bằng tiến sĩ; thi tuyển 02 môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của Chương trình đào tạo;

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập của CTĐT bậc THPT hoặc kết quả thi tốt nghiệp PTTH (theo tổ hợp xét tuyển);

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Xét tuyển trên cơ sở kết quả học tập của văn bằng đại học thứ nhất.

## **5.6. Thời gian tuyển sinh**

- Hình thức đào tạo chính quy VB1: Tuyển sinh từ tháng 01 đến tháng 12 hằng năm.

- Hình thức đào tạo chính quy VB2 tuyển sinh hai đợt: Đợt 1 từ tháng 3 đến tháng 8; đợt 2 từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB1: Tuyển sinh liên tục trong năm.

- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học VB2: Tuyển sinh liên tục trong năm.

## 6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 6.1. Thông tin chung:

- Số tín chỉ: 129 tín chỉ (Không bao gồm học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và học phần Giáo dục thể chất).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

### 6.2. Cấu trúc Chương trình dạy học:

**a) Khối kiến thức đại cương:** 28 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 21,7 % CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: 21 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 16,3 %

+ Kiến thức tự chọn: 7 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 5,4 %

**b) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:** 85 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 65,9 % CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: 58 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 45 %

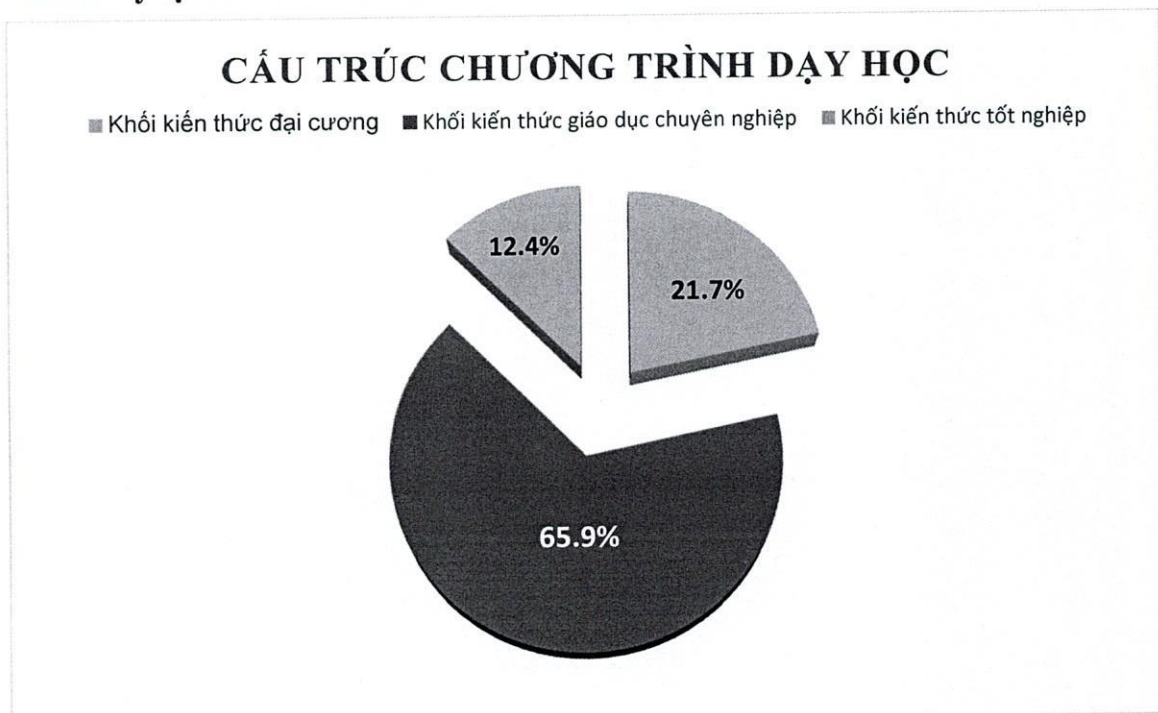
+ Kiến thức tự chọn: 27 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 20,9 %

**c) Khối kiến thức tốt nghiệp:** 16 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 12,4 % CTĐT, trong đó:

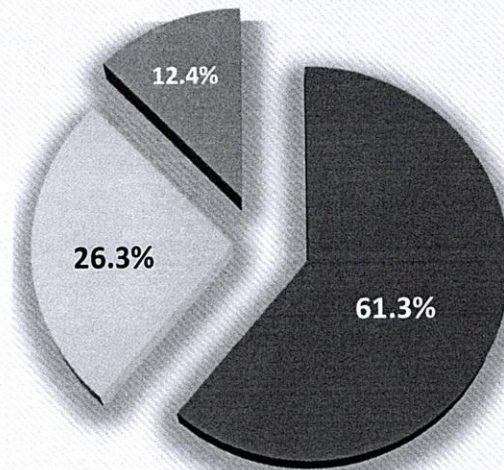
+ Thực tập tốt nghiệp: 7 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 5,4%

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: 9 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 7%.

\* Sơ đồ tỷ lệ các khối kiến thức:



## CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC



Khối kiến thức bắt buộc
  Khối kiến thức tự chọn
  Khối kiến thức tốt nghiệp

### 6.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP (BB/TC)	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC				ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		BT lớn, BT cá nhân/ BT nhóm	Tự học	
					Lý thuyết	Seminar			
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG (28 tín chỉ)</b> (chưa tính Giáo dục QP-AN và Giáo dục thể chất).									
<b>1.1. Các môn học bắt buộc: 21 tín chỉ</b>									
1	Triết học Mác - Lênin	ĐCBB01	BB	3	24 giờ TC	10 giờ TC	6 giờ TC	5 giờ TC	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ĐCBB02	BB	2	16	7	4	3	ĐCBB01
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐCBB03	BB	2	16	7	4	3	ĐCBB02
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐCBB04	BB	2	16	7	4	3	ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐCBB05	BB	2	16	7	4	3	ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03
6	Tiếng Anh pháp lý 1	ĐCBB06	BB	3	18	12	8	7	
7	Tiếng Anh pháp lý 2	ĐCBB07	BB	3	18	12	8	7	ĐCBB06
8	Tiếng Anh pháp lý 3	ĐCBB08	BB	2	12	8	5	5	ĐCBB07
9	Tin học	ĐCBB09	BB	2	12	8	5	5	

**1.2. Các môn học tự chọn: 7 tín chỉ, gồm các môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và kinh tế.**

10	Kinh tế vĩ mô	ĐCTC01	TC	2	12	8	5	5	
11	Quan hệ kinh tế quốc tế	ĐCTC02	TC	2	12	8	5	5	
12	Tổng quan về kinh doanh quốc tế	ĐCTC03	TC	3	18	12	8	7	
13	Quan hệ chính trị quốc tế	ĐCTC04	TC	2	12	8	5	5	
14	Tâm lý học đại cương	ĐCTC05	TC	2	12	8	5	5	
15	Đạo đức nghề luật	ĐCTC06	TC	2	12	8	5	5	
16	Xã hội học pháp luật	ĐCTC07	TC	2	12	8	5	5	
17	Nghề luật và phương pháp học luật	ĐCTC08	TC	2	12	8	5	5	

**II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 85 tín chỉ**

**2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ, gồm các môn học bắt buộc**

18	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CSNBB01	BB	4	26	14	10	10	
19	Luật hiến pháp Việt Nam	CSNBB02	BB	3	18	12	8	7	
20	Luật dân sự	CSNBB03	BB	4	26	14	10	10	
21	Luật thương mại	CSNBB04	BB	4	26	14	10	10	CSNBB03
22	Công pháp quốc tế	CSNBB05	BB	2	12	8	5	5	CSNBB01 CSNBB02
23	Tư pháp quốc tế	CSNBB06	BB	2	12	8	5	5	CSNBB01 CSNBB03
24	Luật hành chính Việt Nam	CSNBB07	BB	2	12	8	5	5	CSNBB01 CSNBB02
25	Luật hình sự	CSNBB08	BB	2	12	8	5	5	CSNBB01
26	Luật tố tụng dân sự	CSNBB09	BB	2	12	8	5	5	CSNBB03

**2.2. Kiến thức ngành Luật thương mại quốc tế: 47 tín chỉ, gồm các môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của Ngành và các môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành.**

**2.2.1. Các môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành Luật thương mại quốc tế: 29 tín chỉ**

27	Luật WTO	LTMQTB B01	BB	3	18	12	8	7	CSNBB05
28	Luật đầu tư quốc tế	LTMQTB B02	BB	3	18	12	8	7	CSNBB04 CSNBB05

29	Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế	LTMQTB B03	BB	2	12	8	5	5	CSNBB04 LTMQTBB01
30	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế	LTMQTB B04	BB	3	18	12	8	7	CSNBB04 LTMQTBB01
31	Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế	LTMQTB B05	BB	3	18	12	8	7	CSNBB04 LTMQTBB01
32	Hợp đồng thương mại quốc tế	LTMQTB B06	BB	3	18	12	8	7	CSNBB04 CSNBB06
33	Tập quán thương mại quốc tế	LTMQTB B07	BB	2	12	8	5	5	CSNBB04 CSNBB05
34	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	LTMQTB B08	BB	4	26	14	10	10	LTMQTBB01 LTMQTBB06
35	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	LTMQTB B09	BB	3	18	12	8	7	ĐCBB08
36	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2	LTMQTB B10	BB	3	18	12	8	7	LTMQTBB09

**2.2.2. Các môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành Luật thương mại quốc tế: (18 tín chỉ)**

*Chuyên ngành 1: Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của Nhà nước và các thực thể công*

37	Các tổ chức kinh tế quốc tế	CNTC01	TC	2	12	8	5	5	CSNBB05
38	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	CNTC02	TC	2	12	8	5	5	CSNBB05
39	Pháp luật Liên minh châu Âu	CNTC03	TC	2	12	8	5	5	CSNBB05
40	Pháp luật hải quan	CNTC04	TC	2	12	8	5	5	CSNBB06
41	Pháp luật về mua sắm của Chính phủ	CNTC05	TC	3	18	12	8	7	LTMQTBB01
42	Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài	CNTC06	TC	3	18	12	8	7	LTMQTBB02
43	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam	CNTC07	TC	3	18	12	8	7	CSNBB04
44	Các biện pháp khác	CNTC08	TC	3	18	12	8	7	LTMQTBB01

	thương mại theo quy định của WTO								
45	Thực thi Luật WTO trong khuôn khổ pháp luật quốc gia	CNTC09	TC	2	12	8	5	5	LTMQTBB01
46	Pháp luật về thị trường nội khối EU	CNTC10	TC	2	12	8	5	5	LTMQTBB01
47	Chính sách và pháp luật thương mại của Hoa Kỳ	CNTC11	TC	2	12	8	5	5	CSNBB06
48	Chính sách và pháp luật thương mại của Trung Quốc	CNTC12	TC	3	18	12	8	7	CSNBB06
49	Các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CNTC13	TC	3	18	12	8	7	LTMQTBB01
50	Luật thuế quốc tế	CNTC14	TC	2	12	8	5	5	CSNBB06
51	Thương mại quốc tế liên quan đến nông nghiệp	CNTC15	TC	2	12	8	5	5	LTMQTBB01
<i>Chuyên ngành 2: Luật kinh doanh quốc tế có sự tham gia chủ yếu của các thương nhân</i>									
52	Thanh toán quốc tế	CNTC16	TC	3	18	12	8	7	LTMQTBB06
53	Trọng tài thương mại quốc tế	CNTC17	TC	3	18	12	8	7	CSNBB04 CSNBB06
54	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	CNTC18	TC	2	12	8	5	5	CSNBB06
55	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	CNTC19	TC	2	12	8	5	5	CSNBB06
56	Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế	CNTC20	TC	2	12	8	5	5	CSNBB04
57	Pháp luật về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế	CNTC21	TC	3	18	12	8	7	CSNBB04
58	Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	CNTC22	TC	2	12	8	5	5	LTMQTBB05
59	Luật hợp đồng so sánh	CNTC23	TC	2	12	8	5	5	CSNBB04 CSNBB06

60	Luật học so sánh	CNTC24	TC	3	18	12	8	7	CSNBB01
61	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	CNTC25	TC	2	12	8	5	5	LTMQTBB06

**2.3. Kiến thức bổ trợ: 13 tín chỉ**, gồm các môn học kỹ năng nghề luật và các môn học về luật.

**2.3.1. Các học phần bắt buộc: 4 tín chỉ**

62	Kỹ năng luật gia cơ bản	BTBB01	BB	2	12	8	5	5	CSNBB01
63	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	BTBB02	BB	2	12	8	5	5	CSNBB01

**2.3.2. Các học phần tự chọn: 9 tín chỉ**

64	Xây dựng văn bản pháp luật	BTTC01	TC	2	12	8	5	5	CSNBB01 CSNBB02 CSNBB07
65	Kỹ năng luật gia nâng cao	BTTC02	TC	2	12	8	5	5	BTBB01
66	Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế	BTTC03	TC	2	12	8	5	5	LTMQTBB08
67	Luật Thi hành án dân sự	BTTC04	TC	3	18	12	8	7	CSNBB09
68	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	BTTC05	TC	2	12	8	5	5	CSNBB03
69	Luật lao động	BTTC06	TC	3	18	12	8	7	CSNBB03
70	Luật tài chính	BTTC07	TC	2	12	8	5	5	CSNBB04
71	Luật ngân hàng	BTTC08	TC	2	12	8	5	5	BTTC07
72	Luật đất đai	BTTC09	TC	2	12	8	5	5	CSNBB03 CSNBB07
73	Luật môi trường	BTTC10	TC	3	18	12	8	7	CSNBB07
74	Luật môi trường quốc tế	BTTC11	TC	2	12	8	5	5	CSNBB05
75	Kỹ năng đàm phán, ký kết, thực hiện Điều ước quốc tế	BTTC12	TC	2	12	8	5	5	CSNBB05

**III. KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP**

Viết khoá luận tốt nghiệp; thực tập tại cơ sở; đăng ký học và thi các học phần thay cho khoá luận tốt nghiệp: **16 tín chỉ**

3.1. Thực tập tại cơ sở: Sinh viên đi thực tập (theo điều kiện và kế hoạch của Nhà trường) được tính thời lượng **07 tín chỉ**;

3.2. Viết khoá luận tốt nghiệp (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh): Áp dụng cho sinh viên đạt kết quả

học tập khá trở lên theo quy định của Trường: **09 tín chỉ**;

3.3. Sinh viên không đủ điều kiện viết khoá luận hoặc không có nguyện vọng viết khoá luận đăng kí học và thi các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên sâu và/hoặc khối kiến thức bổ trợ của ngành Luật thương mại quốc tế với thời lượng **09 tín chỉ**.

#### 6.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất;
- e) Có đơn gửi phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

### 7. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 7.1. Tiến trình đào tạo VB1 chính quy (129 tín chỉ)

HỌC KỲ	HỌC PHẦN	MÃ HP	Đợt học trong HK	SỐ TC	LOẠI HP	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ	
HK1 15 TC	Triết học Mác – Lênin	ĐCBB01	Đợt 1-3	3	BB			
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CSNBB01	Đợt 1-3	4	BB			
	Luật hiến pháp Việt Nam	CSNBB02	Đợt 1-3	3	BB			
	Tin học	ĐCBB09	Đợt 1	2	BB			
	Tiếng Anh pháp lý 1	ĐCBB06	Đợt 1-3	3	BB			
	Giáo dục thể chất							
HK2 15 TC	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ĐCBB02	Đợt 1	2	BB	ĐCBB01		
	Luật hành chính Việt Nam	CSNBB07	Đợt 2	2	BB	CSNBB01 CSNBB02		
	Luật dân sự	CSNBB03	Đợt 1-3	4	BB			
	Kỹ năng luật gia cơ bản	BTBB01	Đợt 3	2	BB	CSNBB01		
	<b>Các học phần tự chọn: 5 TC của khối kiến thức đại cương</b>							
	Quan hệ kinh tế quốc tế	ĐCTC02	Đợt 1	2	TC			
	Tổng quan về kinh doanh quốc tế	ĐCTC03	Đợt 3	3	TC			
	Tâm lý học đại cương	ĐCTC05	Đợt 2	2	TC			



	Quan hệ chính trị quốc tế	ĐCTC04	Đợt 2	2	TC			
	Nghề luật và phương pháp học luật	ĐCTC08	Đợt 2	2	TC			
	Giáo dục Quốc phòng – An ninh							
<b>HK3 17 TC</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐCBB03	Đợt 1	2	BB	ĐCBB02		
	Tiếng Anh pháp lý 2	ĐCBB07	Đợt 1-3	3	BB	ĐCBB06		
	Luật thương mại	CSNBB04	Đợt 1-3	4	BB	CSNBB03		
	Công pháp quốc tế	CSNBB05	Đợt 3	2	BB	CSNBB01 CSNBB02		
	Tư pháp quốc tế	CSNBB06	Đợt 2	2	BB	CSNBB01 CSNBB03		
	Luật hình sự	CSNBB08	Đợt 2	2	BB	CSNBB01		
	<b>Các học phần tự chọn: 2 TC của khối kiến thức đại cương</b>							
	Đạo đức nghề luật	ĐCTC06	Đợt 2	2	TC			
	Kinh tế vĩ mô	ĐCTC01	Đợt 2	2	TC			
	Xã hội học pháp luật	ĐCTC07	Đợt 2	2	TC			
<b>HK4 18 TC</b>	Tiếng Anh pháp lý 3	ĐCBB08	Đợt 1	2	BB	ĐCBB07		
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐCBB04	Đợt 1	2	BB	ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03		
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐCBB05	Đợt 1-3	2	BB	ĐCBB01 ĐCBB02 ĐCBB03		
	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	BTBB02	Đợt 2	2	BB	CSNBB01		
	Hợp đồng thương mại quốc tế	LTMQTBB06	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB04 CSNBB06		
	Luật WTO	LTMQTBB01	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB05		
	<b>Các học phần tự chọn: 4 TC của khối kiến thức bổ trợ</b>							
	Kỹ năng đàm phán, ký kết, thực hiện Điều ước quốc tế	BTTC12	Đợt 1	2	TC	CSNBB05		
	Luật tài chính	BTTC07	Đợt 2	2	TC	CSNBB04		
	Luật ngân hàng	BTTC08	Đợt 3	2	TC	BTTC07		
Luật đất đai	BTTC09	Đợt 1	2	TC	CSNBB03 CSNBB07			
Luật môi trường	BTTC10	Đợt 2	3	TC	CSNBB07			
<b>HK5 17TC</b>	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	LTMQTBB09	Đợt 1-3	3	BB	ĐCBB08		
	Luật đầu tư quốc tế	LTMQTBB02	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB04 CSNBB05		
	Pháp luật về thương mại hàng hóa quốc tế	LTMQTBB03	Đợt 1	2	BB	CSNBB04 LTMQTBB01		
	Tập quán thương mại quốc tế	LTMQTBB07	Đợt 2	2	BB	CSNBB04 CSNBB05		
	Luật tố tụng dân sự	CSNBB09	Đợt 1	2	BB	CSNBB03		

<b>Các học phần tự chọn: 5TC của khối kiến thức kiến thức chuyên sâu ngành Luật Thương mại quốc tế</b>							
Pháp luật hải quan	CNTC04	Đợt 2	2	TC	CSNBB06		
Pháp luật Cộng đồng ASEAN	CNTC02	Đợt 2	2	TC	CSNBB05		
Chính sách và pháp luật thương mại của Trung Quốc	CNTC12	Đợt 1	3	TC	CSNBB06		
Các tổ chức kinh tế quốc tế	CNTC01	Đợt 3	2	TC	CSNBB05		
Các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CNTC13	Đợt 2	3	TC	LTMQTBB01		
Pháp luật Liên minh châu Âu	CNTC03	Đợt 2	2	TC	CSNBB05		
Luật hợp đồng so sánh	CNTC23	Đợt 2	2	TC	CSNBB04 CSNBB06		
Luật học so sánh	CNTC24	Đợt 3	3	TC	CSNBB01		
Thực thi Luật WTO trong trật tự pháp luật quốc gia	CNTC09	Đợt 2	2	TC	LTMQTBB01		
<b>HK6 15 TC</b>	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế	LTMQTBB04	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB04 LTMQTBB01	
	Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế	LTMQTBB05	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB04 LTMQTBB01	
	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	LTMQTBB08	Đợt 1-3	4	BB	LTMQTBB01 LTMQTBB06	
	<b>Các học phần tự chọn: 5 TC của khối kiến thức chuyên sâu của ngành luật thương mại quốc tế</b>						
	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	CNTC25	Đợt 3	2	TC	LTMQTBB06	
	Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO	CNTC08	Đợt 3	3	TC	LTMQTBB01	
	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	CNTC18	Đợt 2	2	TC	CSNBB06	
	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	CNTC19	Đợt 3	2	TC	CSNBB06	
	Pháp luật về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế	CNTC21	Đợt 1	3	TC	CSNBB04	
	Luật thuế quốc tế	CNTC14	Đợt 2	2	TC	CSNBB06	
Chính sách và pháp luật thương mại của Hoa Kỳ	CNTC11	Đợt 3	2	TC	CSNBB06		
Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2	LTMQTBB10	Đợt 1-3	3	BB	LTMQTBB09		
<b>Các học phần tự chọn: từ 13 TC, trong đó 8TC khối kiến thức chuyên sâu và 5TC</b>							

		<b>khôi kiến thức bổ trợ của ngành luật thương mại quốc tế</b>					
<b>HK7 16TC</b>	Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế	CNTC20	Đợt 2	2	TC	CSNBB04	
	Thanh toán quốc tế	CNTC16	Đợt 2	3	TC	LTMQTBB06	
	Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	CNTC22	Đợt 3	2	TC	LTMQTBB05	
	Pháp luật về mua sắm của Chính phủ	CNTC05	Đợt 1	3	TC	LTMQTBB01	
	Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài	CNTC06	Đợt 2	3	TC	LTMQTBB02	
	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam	CNTC07	Đợt 3	3	TC	CSNBB04	
	Pháp luật về Thị trường nội khối EU	CNTC10	Đợt 2	2	TC	LTMQTBB01	
	Thương mại quốc tế liên quan đến nông nghiệp	CNTC15	Đợt 3	2	TC	LTMQTBB01	
	Trọng tài thương mại quốc tế	CNTC17	Đợt 2	3	TC	CSNBB04 CSNBB06	
	Xây dựng văn bản pháp luật	BTTC01	Đợt 2	2	TC	CSNBB01 CSNBB02 CSNBB07	
	Kỹ năng luật gia nâng cao	BTTC02	Đợt 3	2	TC	BTBB01	
	Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế	BTTC03	Đợt 2	2	TC	LTMQTBB08	
	Luật thi hành án dân sự	BTTC04	Đợt 2	3	TC	CSNBB09	
	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	BTTC05	Đợt 1	2	TC	CSNBB03	
	Luật lao động	BTTC06	Đợt 1	3	TC	CSNBB03	
Luật môi trường quốc tế	BTTC11	Đợt 1	2	TC	CSNBB05		
<b>HK8 16TC</b>	Thực tập chuyên môn		Đợt 1	7	BB		
	Viết khoá luận tốt nghiệp (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh). Sinh viên không đủ điều kiện viết khoá luận hoặc không có nguyện vọng viết khoá luận đăng kí học và thi các môn học tự		Đợt 2	9	TC		

	chọn thuộc HK 7 với thời lượng <b>9 tín chỉ.</b>					
--	--	--	--	--	--	--

**7.2. Tiến trình đào tạo VB2 chính quy: 116 tín chỉ** (đã được công nhận các tín chỉ Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tin học)

HỌC KỲ (Số tc)	HỌC PHẦN	MÃ HP	Đợt học trong HK	SỐ TC	LOẠI HP	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	GHI CHÚ	
<b>HK1</b> 23 TC	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CSNBB01	Đợt 1-3	4	BB			
	Luật hiến pháp Việt Nam	CSNBB02	Đợt 1	3	BB			
	Luật dân sự	CSNBB03	Đợt 1-3	4	BB			
	Luật hình sự	CSNBB08	Đợt 2	2	BB			
	Tiếng Anh pháp lý 1	ĐCBB06	Đợt 1-3	3	BB			
	<b>Các học phần tự chọn: 7 TC của khối kiến thức đại cương</b>							
	Quan hệ kinh tế quốc tế	ĐCTC02	Đợt 1	2	TC			
	Tổng quan về kinh doanh quốc tế	ĐCTC03	Đợt 3	3	TC			
	Tâm lý học đại cương	ĐCTC05	Đợt 2	2	TC			
	Quan hệ chính trị quốc tế	ĐCTC04	Đợt 2	2	TC			
	Đạo đức nghề luật	ĐCTC01	Đợt 3	2	TC			
	Kinh tế vĩ mô	ĐCTC08	Đợt 3	2	TC			
	Nghề luật và phương pháp học luật	ĐCTC08	Đợt 2	2	TC			
Xã hội học pháp luật	ĐCTC07	Đợt 2	2	TC				
<b>HK2</b> 23 TC	Kỹ năng luật gia cơ bản	BTBB01	Đợt 2	2	BB	CSNBB01		
	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	BTBB02	Đợt 2	2	BB	CSNBB01		
	Tiếng Anh pháp lý 2	ĐCBB07	Đợt 1-3	3	BB	ĐCBB06		
	Luật thương mại	CSNBB04	Đợt 1-3	4	BB	CSNBB03		
	Luật hành chính Việt Nam	CSNBB07	Đợt 2	2	BB	CSNBB01 CSNBB02		
	Công pháp quốc tế	CSNBB05	Đợt 3	2	BB	CSNBB01 CSNBB02		
	Tư pháp quốc tế	CSNBB06	Đợt 2	2	BB	CSNBB01 CSNBB03		
	Luật tổ tụng dân sự	CSNBB09	Đợt 1	2	BB	CSNBB03		
	<b>Các học phần tự chọn: 4 TC của khối kiến thức bổ trợ</b>							
	Luật lao động	BTTC06	Đợt 1	3	TC	CSNBB03		
	Luật tài chính	BTTC07	Đợt 2	2	TC	CSNBB04		
	Luật ngân hàng	BTTC08	Đợt 3	2	TC	BTTC07		
	Luật đất đai	BTTC09	Đợt 1	2	TC	CSNBB03 CSNBB07		
<b>HK3</b>	Tiếng Anh pháp lý 3	ĐCBB08	Đợt 1	2	BB	ĐCBB07		

23 TC	Hợp đồng thương mại quốc tế	LTMQTBB06	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB04 CSNBB06	
	Luật WTO	LTMQTBB01	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB05	
	Luật đầu tư quốc tế	LTMQTBB02	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB04 CSNBB05	
	Tập quán thương mại quốc tế	LTMQTBB07	Đợt 2	2	BB	CSNBB04 CSNBB05	
<b>Các học phần tự chọn: 10 TC của khối kiến thức bổ trợ và khối kiến thức chuyên sâu của ngành luật thương mại quốc tế</b>							
	Xây dựng văn bản pháp luật	BTTC01	Đợt 2	2	TC	CSNBB01 CSNBB02 CSNBB07	
	Kỹ năng luật gia nâng cao	BTTC02	Đợt 2	2	TC	BTBB01	
	Luật thi hành án dân sự	BTTC04	Đợt 2	3	TC	CSNBB09	
	Luật môi trường quốc tế	BTTC11	Đợt 2	2	TC	CSNBB05	
	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	CNTC18	Đợt 2	2	TC	CSNBB06	
	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	CNTC19	Đợt 3	2	TC	CSNBB06	
	Luật hợp đồng so sánh	CNTC23	Đợt 2	2	TC	CSNBB04 CSNBB06	
	Luật học so sánh	CNTC24	Đợt 3	3	TC	CSNBB01	
	Các tổ chức kinh tế quốc tế	CNTC01	Đợt 3	2	TC	CSNBB05	
	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam	CNTC07	Đợt 3	3	TC	CSNBB04	
	Trọng tài thương mại quốc tế	CNTC17	Đợt 1	3	TC	CSNBB04 CSNBB06	
	Pháp luật hải quan	CNTC04	Đợt 2	2	TC	CSNBB06	
	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	CNTC02	Đợt 3	2	TC	CSNBB05	
	Pháp luật Liên minh châu Âu	CNTC03	Đợt 1	2	TC	CSNBB05	
	Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế	CNTC20	Đợt 2	2	TC	CSNBB04	
	Chính sách và pháp luật thương mại của Hoa Kỳ	CNTC11	Đợt 3	2	TC	CSNBB06	
	Chính sách và pháp luật thương mại của Trung Quốc	CNTC12	Đợt 1	3	TC	CSNBB06	
	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	LTMQTBB09	Đợt 1-3	3	BB	ĐCBB08	
	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2	LTMQTBB10	Đợt 1	3	BB	LTMQTBB09	

HK4 23 TC	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	LTMQTBB08	Đợt 1-3	4	BB	LTMQTBB01 LTMQTBB06		
	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế	LTMQTBB04	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB04 LTMQTBB01		
	Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế	LTMQTBB05	Đợt 1-3	3	BB	CSNBB04 LTMQTBB01		
	<b>Các học phần tự chọn: 7 TC của khối kiến thức chuyên sâu của ngành luật thương mại quốc tế</b>							
	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	CNTC25	Đợt 3	2	TC	LTMQTBB06		
	Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO	CNTC08	Đợt 3	3	TC	LTMQTBB01		
	Thanh toán quốc tế	CNTC16	Đợt 2	3	TC	LTMQTBB06		
	Pháp luật về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế	CNTC21	Đợt 1	3	TC	CSNBB04		
	Pháp luật về mua sắm của Chính phủ	CNTC05	Đợt 1	3	TC	LTMQTBB01		
	Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài	CNTC06	Đợt 2	3	TC	LTMQTBB02		
	Thực thi Luật WTO trong trật tự pháp luật quốc gia	CNTC09	Đợt 1	2	TC	LTMQTBB01		
	Pháp luật về thị trường nội khối EU	CNTC10	Đợt 2	2	TC	LTMQTBB01		
	Các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CNTC13	Đợt 2	3	TC	LTMQTBB01		
	Thương mại quốc tế liên quan đến nông nghiệp	CNTC15	Đợt 3	2	TC	LTMQTBB01		
HK5 24TC	Pháp luật về thương mại hàng hóa quốc tế	LTMQTBB03	Đợt 1	2	BB	CSNBB04 LTMQTBB01		
	Thực tập chuyên môn		Đợt 3	7	BB			
	<b>Các học phần tự chọn: 06 TC của khối kiến thức bổ trợ và khối kiến thức chuyên sâu của ngành Luật thương mại quốc tế</b>							
	Luật môi trường	BTTC10	Đợt 1	3	TC	CSNBB07		
	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	BTTC05	Đợt 1	2	TC	CSNBB03		
	Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	CNTC22	Đợt 1	2	TC	LTMQTBB05		
Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực	BTTC03	Đợt 1	3	TC	LTMQTBB08			

pháp luật thương mại quốc tế						
Luật thuế quốc tế	CNTC14	Đợt 1	2	TC	CSNBB06	
Kỹ năng đàm phán, ký kết, thực hiện Điều ước quốc tế	BTTC12	Đợt 1	2	TC	CSNBB05	
Sinh viên không đủ điều kiện viết khoá luận hoặc không có nguyện vọng viết khoá luận đăng kí học và thi các học phần tự chọn thuộc HK 4 với thời lượng <b>9 tín chỉ</b> .						
Viết khoá luận tốt nghiệp (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh)		Đợt 2	9	TC		
Đăng kí học và thi các môn học tự chọn thuộc HK 4		Đợt 2-3	9	TC		

**8. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA**

STT	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC																		KỸ NĂNG										THÁI ĐỘ																								
		K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	K9	K10	K11	K12	K13	K14	K15	K16	K17	K18	K19	S20	S21	S22	S23	S24	S25	S26	S27	S28	S29	S30	S31	T32	T33	T34	T35	T36	T37	T38	T39														
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>																																																						
<b>1.1. Các học phần bắt buộc</b>																																																						
1	Triết học Mác - Lênin	x	x	x																																					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x		x																																																		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x																																																				
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x																																																			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x																																																			
6	Tiếng Anh pháp lý 1											x																x																										
7	Tiếng Anh pháp lý 2														x														x																									
8	Tiếng Anh pháp lý 3													x															x																									
9	Tin học																																																					
<b>1.2. Các học phần tự chọn</b>																																																						
10	Kinh tế vĩ mô	x																																																				
11	Quan hệ kinh tế quốc tế	x													x	x																																						



STT	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC																		KỸ NĂNG											THÁI ĐỘ									
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	K 17	K 18	K 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	T 37	T 38	T 39
12	Tổng quan về kinh doanh quốc tế	x		x								x	x															x	x	x	x	x				x	x	x	x	
13	Quan hệ chính trị quốc tế	x										x																		x	x	x	x			x	x	x	x	x
14	Tâm lý học đại cương			x																									x	x	x			x	x	x	x	x		
15	Đạo đức nghề luật											x	x								x							x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
16	Xã hội học pháp luật	x	x		x																			x						x	x	x	x	x	x	x	x	x		
17	Nghề luật và phương pháp học luật	x		x	x	x	x									x												x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>																																								
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>																																								
18	Lý luận về nhà nước và pháp luật	x	x	x	x																																			
19	Luật hiến pháp Việt Nam	x	x		x	x	x																							x	x									
20	Luật dân sự									x																														
21	Luật thương mại	x																																						
22	Công pháp quốc tế	x	x		x																																			

STT	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC																		KỸ NĂNG											THÁI ĐỘ								
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	K 17	K 18	K 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	T 37	T 38
23	Tư pháp quốc tế							×		×	×	×				×					×	×	×	×	×						×		×	×		×			
24	Luật hành chính Việt Nam	×		×			×				×																			×	×	×							
25	Luật hình sự								×													×		×	×						×	×	×	×	×	×		×	
26	Luật tố tụng dân sự							×								×	×					×	×	×	×	×	×		×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	
<b>2.2. Kiến thức ngành Luật thương mại quốc tế</b>																																							
<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành Luật thương mại quốc tế</b>																																							
27	Luật WTO										×												×	×					×	×	×	×	×			×	×		×
28	Luật đầu tư quốc tế	×									×											×	×		×	×			×	×	×	×	×	×	×	×	×		×
29	Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế										×												×	×	×	×	×				×	×	×	×	×	×	×	×	×
30	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế										×												×				×	×	×				×	×	×		×	×	×
31	Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế							×			×	×											×		×			×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
32	Hợp đồng thương mại quốc tế											×												×	×	×	×	×				×	×	×	×	×	×	×	×
33	Tập quán thương mại quốc tế	×										×											×	×	×	×	×	×									×	×	×







STT	HỌC PHẦN	KIẾN THỨC																		KỸ NĂNG											THÁI ĐỘ															
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K 9	K 10	K 11	K 12	K 13	K 14	K 15	K 16	K 17	K 18	K 19	S 20	S 21	S 22	S 23	S 24	S 25	S 26	S 27	S 28	S 29	S 30	S 31	T 32	T 33	T 34	T 35	T 36	T 37	T 38	T 39						
59	Luật hợp đồng so sánh	x							x			x	x			x					x	x		x					x	x	x	x					x	x	x							
60	Luật học so sánh	x	x		x	x	x		x						x						x	x	x	x					x	x	x					x	x	x								
61	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	x										x	x																										x	x	x	x	x	x	x	x
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>																																														
<b>2.3.1 Các học phần bắt buộc</b>																																														
62	Kỹ năng luật gia cơ bản																				x			x		x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
63	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ											x	x	x									x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
<b>2.3.2 Các học phần tự chọn</b>																																														
64	Xây dựng văn bản pháp luật	x			x		x	x								x								x		x											x	x	x	x	x	x	x	x	x	
65	Kỹ năng luật gia nâng cao																				x		x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
66	Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực										x	x	x	x							x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x			



## 9. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT			SEMINAR					THỰC HÀNH / TỰ HỌC			
		THUYẾT TRÌNH	TÌNH HUỐNG	HỎI ĐÁP	THUYẾT TRÌNH	DIỄN ÁN	ĐÓNG VAI	THẢO LUẬN NHÓM	HỎI ĐÁP	KIẾN TẬP	ĐỀ ÁN	NGHIÊN CỨU BẢN ÁN	LÀM VIỆC NHÓM
<b>I. KHỞI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>													
<b>1.1. Các học phần bắt buộc</b>													
1	Triết học Mác – Lênin	×	×	×	×			×	×				×
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	×		×				×	×				×
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	×			×			×	×				×
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	×		×	×			×	×				×
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	×	×		×			×	×				×
6	Tiếng Anh pháp lý 1	×	×	×	×		×	×	×				×
7	Tiếng Anh pháp lý 2	×	×	×	×		×	×	×				×
8	Tiếng Anh pháp lý 3	×	×	×	×		×	×	×				×
9	Tin học	×		×	×				×				×
<b>1.2. Các học phần tự chọn</b>													
10	Kinh tế vĩ mô	×	×	×	×			×	×				×
11	Quan hệ kinh tế quốc tế	×	×	×	×			×	×				×
12	Tổng quan về kinh doanh quốc tế	×	×	×	×		×	×	×				×
13	Quan hệ chính trị quốc tế	×		×	×			×	×				×
14	Tâm lý học đại cương	×	×	×	×			×	×				×
15	Đạo đức nghề luật	×	×	×	×		×	×	×				×
16	Xã hội học pháp luật	×	×	×	×			×	×				×
17	Nghề luật và phương pháp học luật	×	×	×	×		×	×	×			×	×



STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT			SEMINAR					THỰC HÀNH / TỰ HỌC				
		THUYẾT TRÌNH	TÌNH HUỐNG	HỎI ĐÁP	THUYẾT TRÌNH	DIỄN AN	ĐÓNG VAI	THAO LUẬN NHÓM	HỎI ĐÁP	KIẾN TẬP	ĐỀ ÁN	NGHIÊN CỨU BẢN AN	LÀM VIỆC NHÓM	
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>														
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>														
18	Lý luận về nhà nước và pháp luật	x		x	x			x	x				x	
19	Luật hiến pháp Việt Nam	x		x	x			x	x				x	
20	Luật dân sự	x	x	x	x			x	x			x	x	
21	Luật thương mại	x	x	x	x			x	x			x	x	
22	Công pháp quốc tế	x		x	x			x	x			x	x	
23	Tư pháp quốc tế	x		x	x			x	x			x	x	
24	Luật hành chính Việt Nam	x	x	x	x			x	x			x	x	
25	Luật hình sự	x	x	x	x			x	x			x	x	
26	Luật tố tụng dân sự	x	x	x	x	x*		x	x			x	x	
<b>2.2. Kiến thức ngành Luật thương mại quốc tế</b>														
<b>2.2.1. Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành Luật thương mại quốc tế</b>														
27	Luật WTO	x	x	x	x			x	x	x			x	x
28	Luật đầu tư quốc tế	x	x	x	x			x	x	x			x	x
29	Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế	x	x	x	x			x	x				x	x
30	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế	x	x	x	x			x	x				x	x
31	Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế	x	x	x	x			x	x	x			x	x
32	Hợp đồng thương mại quốc tế	x	x	x	x			x	x	x			x	x
33	Tập quán thương mại quốc tế	x	x	x	x			x	x	x			x	x

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT			SEMINAR					THỰC HÀNH / TỰ HỌC			
		THUYẾT TRÌNH	TÌNH HUỐNG	HỎI ĐÁP	THUYẾT TRÌNH	DIỄN AN	ĐÓNG VAI	THAO LUẬN NHÓM	HỎI ĐÁP	KIẾN TẬP	ĐỀ ÁN	NGHIÊN CỨU BẢN ÁN	LÀM VIỆC NHÓM
34	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	×	×	×	×	×	×	×	×			×	×
35	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	×		×	×		×	×	×				×
36	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2	×		×	×		×	×	×				×
<b>2.2.2. Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành Luật thương mại quốc tế</b>													
<i>Chuyên ngành 1: Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của Nhà nước và các thực thể công</i>													
37	Các tổ chức kinh tế quốc tế	×		×	×			×	×				×
38	Pháp luật Cộng đồng ASEAN	×		×	×			×	×				×
39	Pháp luật Liên minh châu Âu	×		×	×			×	×			×	×
40	Pháp luật hải quan	×	×	×	×			×	×				×
41	Pháp luật về mua sắm của Chính phủ	×		×	×			×	×			×	×
42	Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài	×	×	×	×	×	×	×	×			×	×
43	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam	×		×	×			×	×				×
44	Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO	×	×	×	×			×	×			×	×
45	Thực thi Luật WTO trong khuôn khổ pháp luật quốc gia	×		×	×			×	×				×
46	Pháp luật về Thị trường nội khối EU	×		×	×			×	×			×	×
47	Chính sách và pháp luật thương mại của Hoa Kỳ	×		×	×		×	×	×				×
48	Chính sách và pháp luật thương mại của Trung Quốc	×		×	×		×	×	×				×

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT			SEMINAR					THỰC HÀNH / TỰ HỌC			
		THUYẾT TRÌNH	TÌNH HUỐNG	HỎI ĐÁP	THUYẾT TRÌNH	DIỄN ÁN	ĐÓNG VAI	THAO LUẬN NHÓM	HỎI ĐÁP	KIẾN TẬP	ĐỀ ÁN	NGHIÊN CỨU BẢN ÁN	LÀM VIỆC NHÓM
49	Các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	×	×	×	×			×	×				×
50	Luật thuế quốc tế	×		×	×		×	×	×				×
51	Thương mại quốc tế liên quan đến nông nghiệp	×		×	×			×	×				×
<b>Chuyên ngành 2: Luật kinh doanh quốc tế có sự tham gia chủ yếu của các thương nhân</b>													
52	Thanh toán quốc tế	×	×	×	×			×	×			×	×
53	Trọng tài thương mại quốc tế	×	×	×	×	×	×	×	×			×	×
54	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	×	×	×	×			×	×			×	×
55	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	×	×	×	×			×	×			×	×
56	Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế	×		×	×			×	×				×
57	Pháp luật về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế	×	×	×	×			×	×			×	×
58	Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử	×	×	×	×		×	×	×				×
59	Luật hợp đồng so sánh	×		×	×			×	×			×	×
60	Luật học so sánh	×		×	×			×	×				×
61	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	×	×	×	×			×	×				×
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>													
<b>2.3.1. Các học phần bắt buộc</b>													
62	Kỹ năng luật gia cơ bản	×	×	×	×		×	×	×				×

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT			SEMINAR					THỰC HÀNH / TỰ HỌC			
		THUYẾT TRÌNH	TÌNH HUỐNG	HỎI ĐÁP	THUYẾT TRÌNH	DIỄN AN	ĐÓNG VAI	THAO LUẬN NHÓM	HỎI ĐÁP	KIẾN TẬP	ĐỀ ÁN	NGHIÊN CỨU BẢN AN	LÀM VIỆC NHÓM
63	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ	×		×	×			×	×			×	×
<b>2.3.2. Các học phần tự chọn</b>													
64	Xây dựng văn bản pháp luật	×	×	×	×			×	×				×
65	Kỹ năng luật gia nâng cao	×	×	×	×	×	×	×	×		×	×	×
66	Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế	×	×	×	×	×	×	×	×		×	×	×
67	Luật thi hành án dân sự	×	×	×	×			×	×			×	×
68	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	×	×	×	×			×	×				×
69	Luật lao động	×	×	×	×			×	×			×*	×
70	Luật tài chính	×	×	×	×			×	×				×
71	Luật ngân hàng	×	×	×	×			×	×				×
72	Luật đất đai	×	×	×	×			×	×			×*	×
73	Luật môi trường	×	×	×	×			×	×				×
74	Luật môi trường quốc tế	×		×	×		×	×	×				×
75	Kỹ năng đàm phán, ký kết, thực hiện Điều ước quốc tế	×	×		×		×					×	
<b>III. KHỎI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP</b>													
1	Thực tập chuyên môn									×			
2	Khóa luận tốt nghiệp										×	×	

## 10. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Lưu ý: Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học có thể được điều chỉnh theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường (thể hiện trong Quy chế đào tạo trình độ đại học).

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN					THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		BT cá nhân	BT nhóm	BT lớn	KT giữa kỳ	Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>										
<b>1.1. Các học phần bắt buộc</b>										
1	Triết học Mác – Lênin		X	X		X		X		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X		X		X			X	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		X	X		X			X	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh		X	X		X		X		
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		X	X		X		X		
6	Tiếng Anh pháp lý 1	X		X		X		X		
7	Tiếng Anh pháp lý 2	X		X		X		X		
8	Tiếng Anh pháp lý 3	X		X		X		X		
9	Tin học	X		X		X				X
<b>1.2. Các học phần tự chọn</b>										
10	Kinh tế vĩ mô		X	X		X			X	
11	Quan hệ kinh tế quốc tế		X	X		X			X	
12	Tổng quan về kinh doanh quốc tế		X	X		X			X	
13	Quan hệ chính trị quốc tế		X	X		X			X	
14	Tâm lý học đại cương		X	X		X			X	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN					THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		BT cá nhân	BT nhóm	BT lớn	KT giữa kỳ	Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
15	Đạo đức nghề luật		X	X		X			X	
16	Xã hội học pháp luật		X	X		X			X	
17	Nghề luật và phương pháp học luật		X	X		X			X	
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>										
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>										
18	Lý luận về nhà nước và pháp luật	X		X		X	X			
19	Luật hiến pháp Việt Nam		X	X		X	X		X (viết hoặc vấn đáp)	
20	Luật dân sự	X (VB2CQ, VHVL)	X (VB1CQ)	X		X	X (VB2CQ)		X (VB1CQ, VHVL)	
21	Luật thương mại	X (VB2CQ, VHVL)	X (VB1CQ)	X		X			X	
22	Công pháp quốc tế		X	X		X			X	
23	Tư pháp quốc tế		X	X		X			X	
24	Luật hành chính Việt Nam	X (VB2CQ, VHVL)	X (VB1CQ)	X		X			X	
25	Luật hình sự	X		X		X			X	
26	Luật tố tụng dân sự		X	X		X			X	
<b>2.2. Kiến thức ngành Luật thương mại quốc tế</b>										
<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành Luật thương mại quốc tế</b>										
27	Luật WTO		X	X		X			X	
28	Luật Đầu tư quốc tế		X	X		X			X	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN					THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		BT cá nhân	BT nhóm	BT lớn	KT giữa kỳ	Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
29	Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế		X	X		X		X		
30	Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế		X	X		X	X			
31	Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế		X	X		X			X	
32	Hợp đồng thương mại quốc tế		X	X		X	X			
33	Tập quán thương mại quốc tế		X	X		X		X		
34	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế		X	X		X	X			
35	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	X		X		X		X		
36	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2	X		X		X		X		
<b>2.2.2 Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành Luật thương mại quốc tế</b>										
<b>Chuyên ngành 1: Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của Nhà nước và các thực thể công</b>										
37	Các tổ chức kinh tế quốc tế		X	X		X		X		
38	Pháp luật Cộng đồng ASEAN		X	X		X			X	
39	Pháp luật Liên minh châu Âu		X	X		X			X	
40	Pháp luật hải quan		X	X		X			X	
41	Pháp luật về mua sắm của Chính phủ		X	X		X			X	
42	Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài		X	X		X			X	
43	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam		X	X		X			X	
44	Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO		X	X		X			X	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN					THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		BT cá nhân	BT nhóm	BT lớn	KT giữa kỳ	Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
45	Thực thi Luật WTO trong khuôn khổ pháp luật quốc gia		X	X		X			X	
46	Pháp luật về thị trường nội khối EU		X	X		X			X	
47	Chính sách và pháp luật thương mại của Hoa Kỳ		X	X		X			X	
48	Chính sách và pháp luật thương mại của Trung Quốc		X	X		X			X	
49	Các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		X	X		X			X	
50	Luật thuế quốc tế		X	X		X			X	
51	Thương mại quốc tế liên quan đến nông nghiệp		X	X		X			X	
<b>Chuyên ngành 2: Luật kinh doanh quốc tế có sự tham gia chủ yếu của các thương nhân</b>										
52	Thanh toán quốc tế		X	X		X		X		
53	Trọng tài thương mại quốc tế		X	X		X			X	
54	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế		X	X		X			X	
55	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế		X	X		X			X	
56	Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế		X	X		X		X		
57	Pháp luật về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế		X	X		X			X	
58	Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử		X	X		X			X	
59	Luật hợp đồng so sánh		X	X		X			X	
60	Luật học so sánh		X	X		X			X	



STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN					THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		BT cá nhân	BT nhóm	BT lớn	KT giữa kỳ	Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
61	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới		x	x		x			x	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>										
<b>2.3.1 Các học phần bắt buộc</b>										
62	Kỹ năng luật gia cơ bản		x	x		x			x	
63	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ		x	x		x			x	
<b>2.3.2 Các học phần tự chọn</b>										
64	Xây dựng văn bản pháp luật		x	x		x			x	
65	Kỹ năng luật gia nâng cao		x	x		x			x	
66	Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế		x	x		x			x	
67	Luật thi hành án dân sự		x	x		x			x	
68	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	x		x		x			x	
69	Luật lao động		x	x		x	x (VB2)		x (VB1)	
70	Luật tài chính		x	x		x	x			
71	Luật ngân hàng		x	x		x	x (VB2)		x (VB1)	
72	Luật đất đai		x	x		x			x	
73	Luật môi trường	x		x		x			x	
74	Luật môi trường quốc tế		x	x		x			x	
75	Kỹ năng đàm phán, ký kết, thực hiện Điều ước quốc tế		x	x		x			x	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN					THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		BT cá nhân	BT nhóm	BT lớn	KT giữa kỳ	Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
<b>III. KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP</b>										
1	Thực tập chuyên môn	Đánh giá thông qua Nhật ký thực tập và Báo cáo thực tập chuyên môn								
2	Khóa luận tốt nghiệp	Đánh giá thông qua Hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp								

## 11. GIỚI THIỆU CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Triết học Mác - Lênin

Triết học Mác – Lênin là khoa học về những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Học tập và nghiên cứu triết học Mác – Lênin trang bị cho con người thế giới quan duy vật biện chứng (đó là toàn bộ những quan điểm, quan niệm chung nhất của con người về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới đó) và phương pháp luận khoa học, cách mạng. Phương pháp luận có nghĩa là lý luận về hệ thống phương pháp (trong đó phương pháp nghiên cứu của các khoa học riêng biệt “trong đó có khoa học Luật” chỉ là cụ thể hóa, sự vận dụng phương pháp biện chứng vào từng lĩnh vực cụ thể). Phương pháp luận triết học đó là hệ thống những quan điểm, những nguyên tắc xuất phát có vai trò chỉ đạo việc sử dụng các phương pháp trong nhận thức và hoạt động thực tiễn nhằm đạt kết quả tối ưu. Nội dung của học phần gồm ba vấn đề nội dung: (1) Triết học và vai trò của triết học đối với đời sống xã hội; (2) Chủ nghĩa duy vật biện chứng; (3) Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

### 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của học thuyết Kinh tế chính trị của Chủ nghĩa Mác-Lênin về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và sản xuất hàng hóa trong phương thức sản xuất TBCN; về những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của Việt Nam trong tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thông qua những nội dung sau: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

### 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị hệ thống lý luận chính trị - xã hội của Chủ nghĩa Mác-Lênin về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội; trực tiếp làm rõ mục tiêu cuối cùng và con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người; đồng thời luận giải một cách khoa học về lực lượng chủ đạo của quá trình đó là giai cấp công nhân với sứ mệnh lịch sử là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

### 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc lĩnh vực khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để thâm nhập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh ở thời đại ngày nay, thông qua các nội dung:

*Thứ nhất*, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Thứ hai*, cơ sở hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Thứ ba*, những giá trị, nội dung của hệ thống tư tưởng, quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới đất nước ở giai đoạn hiện nay.

## **5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu rõ các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## **6. Tiếng Anh pháp lý 1**

Tiếng Anh pháp lý 1 là học phần đầu tiên của chương trình tiếng Anh chuyên ngành luật trong Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế. Nội dung chính của học phần bao gồm 10 bài đọc về các chủ đề: Hệ thống pháp luật, nguồn của luật (luật thành văn và thông luật); hệ thống toà án; tư pháp hình sự và tố tụng hình sự; tố tụng dân sự; hoà giải tại toà án; pháp luật Liên minh Châu Âu; luật sư tư vấn và luật sư tranh tụng. Mỗi bài học cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ pháp lý quan trọng song song với củng cố kiến thức ngữ pháp và tăng cường kỹ năng nghe hiểu và kỹ năng nói ở từng chủ đề.

## **7. Tiếng Anh pháp lý 2**

Tiếng Anh pháp lý 2 là học phần bắt buộc, tiếp nối chương trình tiếng Anh pháp lý 1 trong Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên khối lượng kiến thức cơ bản, vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết như nghề luật, luật hợp đồng, luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, luật hình sự, luật công ty để sinh viên có thể học chuyên sâu hơn ở những học phần tiếp theo. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong thực hành luật như nghe hiểu những bài giảng về các khía cạnh pháp luật cụ thể hay cách viết trong văn phong pháp lý từ đó tạo nền tảng kiến thức, kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên để sinh viên có thể tiếp cận học phần tiếng Anh pháp lý nâng cao ở những kì tiếp theo. Ngoài ra, rèn cho sinh viên khả năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp, khả năng tự học, nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học.

## **8. Tiếng Anh pháp lý 3**

Tiếng Anh pháp lý 3 là học phần tiếp nối tiếng Anh pháp lý 2, loại học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần bao gồm 5 chủ đề về 5 ngành luật khác nhau như: Luật thương mại (commercial law), luật bất động sản (real property law), kiện tụng và hòa giải (litigation, arbitration

and mediation), luật quốc tế (international law), Luật học so sánh (comparative law). Mỗi bài được chia thành 2 phần: Nghiên cứu ngành luật và thực hành luật và cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao hơn về từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, từ đó tạo nền tảng kiến thức, kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên để sinh viên có thể tiếp cận các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh một cách dễ dàng, hiệu quả.

## 9. Tin học

Học phần Tin học bao gồm 6 module xây dựng theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 11 tháng 3 năm 2014; theo đó, học phần tập trung cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về những nội dung sau: Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản; sử dụng máy tính cơ bản; xử lý văn bản cơ bản; sử dụng bảng tính cơ bản; sử dụng trình chiếu cơ bản, và sử dụng Internet cơ bản.

## 10. Kinh tế vĩ mô

Học phần dựa trên các lý thuyết kinh tế hiện đại có tính ứng dụng cao trong phạm vi kinh tế vĩ mô, đối với tất cả các chủ thể tham gia thị trường đặc biệt là Nhà nước. Kinh tế học vĩ mô đã được giảng dạy phổ biến ở các nước có nền kinh tế thị trường, nhất là ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển cao trong hơn nửa thế kỉ qua. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế học vĩ mô. Nội dung học phần bao gồm 6 vấn đề cơ bản sau:

- Vấn đề 1: Tổng quan về kinh tế học.
- Vấn đề 2: Đo lường sản lượng quốc gia.
- Vấn đề 3: Tổng cầu và sản lượng cân bằng. Chính sách tài khoá.
- Vấn đề 4: Tiền tệ và ngân hàng. Chính sách tiền tệ.
- Vấn đề 5: Kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở.

## 11. Quan hệ kinh tế quốc tế

Quan hệ kinh tế quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ kinh tế giữa các thực thể công (quốc gia, các tổ chức kinh tế quốc tế) và các thực thể tư (cá nhân, pháp nhân) và một số chủ thể khác, thể hiện ở sự trao đổi quốc tế về hàng hoá, dịch vụ, vốn, khoa học - công nghệ, sức lao động, sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia, các thiết chế và chính sách điều chỉnh các quá trình trao đổi quốc tế nói trên.

## 12. Tổng quan về kinh doanh quốc tế

Học phần Tổng quan về kinh doanh quốc tế cung cấp kiến thức tổng quan về kinh doanh quốc tế, giúp người học hiểu được sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia và các doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu hiện nay, thông qua nghiên cứu về các hoạt động và chiến lược của doanh nghiệp đa quốc gia (như: chiến lược tiếp cận thị trường nước ngoài, xuất nhập khẩu, marketing quốc tế, quản trị nguồn nhân lực quốc tế, nghiên cứu và phát triển sản phẩm); mối quan hệ tương tác giữa doanh nghiệp và Chính phủ trong các hoạt động kinh doanh quốc tế; sự tác động của các thiết chế quốc tế quan trọng (như Tổ chức thương mại thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới...) đối với

hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp; sự tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, an ninh, giao tiếp giữa các nền văn hóa,... đối với hoạt động kinh doanh quốc tế.

### **13. Quan hệ chính trị quốc tế**

Học phần Quan hệ chính trị quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về Quốc gia - chủ thể chủ yếu của quan hệ chính trị quốc tế; tổ chức quốc tế; những nhân tố tác động đến quan hệ chính trị quốc tế hiện nay; quan hệ chính trị quốc tế đương đại; cơ sở hoạch định và sự vận hành chính sách đối ngoại của nhà nước - quốc gia; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới.

### **14. Tâm lý học đại cương**

Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về các tiến trình tinh thần và hành vi, kể cả hành vi kinh tế của con người, bao gồm: Lĩnh vực vô thức, lĩnh vực ý thức, các quá trình nhận thức, cảm xúc, chú ý, hành động, ý chí và nhân cách. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích tâm lý và hành vi, các kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng kiểm soát cảm xúc v.v..., là tiền đề để sinh viên thành công trong cuộc sống cũng như trong quá trình hành nghề sau này.

### **15. Đạo đức nghề luật**

Đạo đức nghề luật là học phần nghiên cứu về các chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những cá nhân và tổ chức hành nghề luật, trong đó trọng tâm nghiên cứu là các tiêu chuẩn đạo đức đối với luật sư và thẩm phán. Học phần cũng nghiên cứu mối quan hệ giữa các chuẩn mực đạo đức nghề luật với sự biến động không ngừng của các hiện tượng xã hội.

Đạo đức nghề luật là một trong những học phần về đạo đức nghề nghiệp. Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp cho sinh viên ngành luật thương mại quốc tế những kiến thức bổ trợ cần thiết để có thái độ đúng đắn khi tiếp cận nghiên cứu các ngành khoa học luật và hành nghề luật trong tương lai.

### **16. Xã hội học pháp luật**

Xã hội học pháp luật là ngành xã hội học chuyên biệt, nghiên cứu các quy luật và tính quy luật của quá trình phát sinh, tồn tại, hoạt động của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ với các loại chuẩn mực xã hội khác, nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật. Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương, xã hội học pháp luật cung cấp, trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Xã hội học pháp luật cũng giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế xã hội ở nước ta hiện nay; phục vụ thiết thực, trực tiếp cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn khoa học pháp lý.

## 17. Nghề luật và phương pháp học luật

Học phần Nghề luật và phương pháp học luật giới thiệu cho sinh viên đại học hệ chính quy tổng quan về phương pháp học tập ở trường đại học, đặc biệt là phương pháp học tập phù hợp với ngành luật. Học phần cung cấp cho sinh viên một số phương pháp cần thiết cho việc học tập đạt hiệu quả tại Trường Đại học Luật Hà Nội (phương pháp tình huống, phương pháp nghiên cứu tình huống/vụ án, phương pháp đọc và nghiên cứu bản án, phương pháp hỏi đáp Socratic, phương pháp thảo luận, phương pháp làm việc nhóm, phương pháp viết bài luận pháp luật, phương pháp thi kiểm tra, ...), giúp cho sinh viên tự tin, hứng thú học tập và đạt kết quả cao trong học tập. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được trang bị các kiến thức và kỹ năng của nghề luật, về các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp đại học luật có thể đảm nhận cũng như các quy tắc đạo đức mà mỗi người hành nghề luật phải tuân thủ.

## 18. Lý luận về nhà nước và pháp luật

Lý luận về nhà nước và pháp luật là học phần cơ sở ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của pháp luật. Học phần giúp sinh viên có được những kiến thức mang tính lý luận khái quát về pháp luật thông qua việc xem xét quá trình phát triển của pháp luật, thảo luận các triết lý chung về pháp luật và đánh giá sự ảnh hưởng của các triết lý pháp luật tới việc xây dựng, thực hiện và bảo vệ pháp luật trong thực tiễn tại Việt Nam hiện nay, cũng như đưa ra những dự đoán về pháp luật trong tương lai dựa trên các triết lý mang tính quy luật đã có. Nội dung chủ yếu của học phần này gồm các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước. Học phần giúp sinh viên có được những kiến thức mang tính lý luận khái quát về nhà nước thông qua việc xem xét quá trình phát triển của nhà nước trong tiến trình lịch sử, thảo luận các triết lý về nhà nước cũng như giải quyết các vấn đề khoa học liên quan tới tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước, xác định vai trò của nhà nước trong quản lý xã hội gắn với điều kiện thực tiễn hiện nay, đưa ra các giải pháp để hạn chế tình trạng lạm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền gắn với thực tiễn Việt Nam, đề cao quyền công dân, quyền con người trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Nội dung chủ yếu của học phần gồm một số vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước; hình thức của nhà nước, nhà nước trong hệ thống chính trị, nhà nước pháp quyền...

## 19. Luật hiến pháp Việt Nam

Học phần Luật hiến pháp Việt Nam cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của khoa học luật hiến pháp Việt Nam bao gồm các nội dung về quyền con người, quyền cơ bản của công dân (các quyền cơ bản hiến định), tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam, tổ chức, hoạt động và giới hạn quyền lực của các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương của Việt Nam.

Học phần tập trung vào những nội dung cơ bản: Những vấn đề lý luận cơ bản về luật hiến pháp và hiến pháp; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và các cơ quan nhà nước.

## **20. Luật dân sự**

Luật dân sự là bộ phận quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đại diện cho hệ thống pháp luật tư của Việt Nam, Luật dân sự quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự).

Học phần Luật dân sự củng cố cho người học kiến thức chung, nền tảng: Các loại quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân trong xã hội dựa trên yếu tố bình đẳng của các chủ thể khi tham gia loại quan hệ này; các chủ thể là cá nhân, pháp nhân, hành vi ứng xử phù hợp trong đời sống dân sự; giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu. Bên cạnh đó, học phần sẽ định hướng kiến thức chi tiết cho người học về chế định sở hữu, thừa kế, nghĩa vụ và hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

## **21. Luật thương mại**

Luật thương mại là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hoạt động thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu về vấn đề thương nhân, từ cách thức thành lập, đặc điểm pháp lý của từng loại thương nhân cụ thể và cách thức chấm dứt hoạt động của thương nhân; các hoạt động thương mại phổ biến và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại.

## **22. Công pháp quốc tế**

Công pháp quốc tế (luật quốc tế) là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế.

## **23. Tư pháp quốc tế**

Tư pháp quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế.

## **24. Luật hành chính Việt Nam**

Luật hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành Luật hành chính; quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý hành chính nhà nước.



Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; luật tố tụng hành chính; xây dựng văn bản pháp luật; luật đất đai; luật tài chính; luật lao động; luật môi trường; luật hôn nhân và gia đình.

## **25. Luật hình sự**

Luật hình sự là môn khoa học chuyên ngành luật, cung cấp lý luận cơ bản về tội phạm, hình phạt, dấu hiệu pháp lý và hình phạt đối với từng tội phạm cụ thể; là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

Học phần này gồm 5 nội dung cơ bản: Một số vấn đề chung về luật hình sự và tội phạm; cấu thành tội phạm và chế định liên quan; khái niệm hình phạt, hệ thống hình phạt, quyết định hình phạt; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

## **26. Luật tố tụng dân sự**

Luật tố tụng dân sự là học phần cơ bản cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án.

Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lý luận về Luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án.

## **27. Luật WTO**

Học phần Luật WTO là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) - hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ thương mại toàn cầu. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản: Tổng quan về Luật WTO; các nguyên tắc cơ bản của WTO; hệ thống các hiệp định của WTO; nguồn chủ yếu của Luật WTO; các nguồn bổ trợ của Luật WTO; mối quan hệ giữa Luật WTO và luật quốc gia.

## **28. Luật đầu tư quốc tế**

Học phần Luật đầu tư quốc tế nghiên cứu chủ yếu về pháp luật điều chỉnh đầu tư quốc tế nhằm tự do hoá đầu tư cũng như bảo hộ đầu tư nước ngoài, đồng thời cung cấp kiến thức về sự phát triển của pháp luật và các yếu tố thể chế, kinh tế và chính trị ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế. Học phần nghiên cứu các loại nguồn luật điều chỉnh đầu tư quốc tế như các điều ước về đầu tư ở tầm toàn cầu, các hiệp định đầu tư song phương, các hiệp định đầu tư khu vực, tập quán quốc tế về đầu tư, án lệ quốc tế về đầu tư v.v. Học phần cũng phân tích mối tương quan giữa luật trong nước với luật quốc tế và giữa các nguồn luật, cũng như vấn đề áp dụng chúng trong việc điều chỉnh quan hệ đầu tư

quốc tế. Học phần dành thời gian đáng kể cho việc nghiên cứu các nguyên tắc pháp lý cơ bản và các khái niệm được áp dụng trong Luật đầu tư quốc tế như: Tước đoạt tài sản của nhà đầu tư nước ngoài; tối huệ quốc; đối xử quốc gia; đối xử công bằng và thỏa đáng cũng như các lợi ích đan xen, phức tạp của cả nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước tiếp nhận đầu tư được thể hiện thông qua mối quan hệ hợp đồng đầu tư quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức về hợp đồng đầu tư quốc tế và pháp luật Việt Nam điều chỉnh quan hệ đầu tư quốc tế.

## **29. Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế**

Pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia trong lĩnh vực thương mại hàng hoá quốc tế.

Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về thương mại hàng hoá quốc tế, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực thương mại hàng hoá quốc tế.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về thương mại hàng hoá quốc tế và pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế; pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế trong khuôn khổ WTO; pháp luật về thương mại hàng hoá quốc tế trong khuôn khổ các liên kết kinh tế khu vực; pháp luật về quan hệ thương mại hàng hoá quốc tế trong các Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam.

## **30. Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế**

Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế là học phần nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia trong lĩnh vực thương mại dịch vụ và vấn đề tự do hóa một số lĩnh vực dịch vụ cụ thể của các quốc gia.

Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về thương mại dịch vụ quốc tế, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực thương mại dịch vụ quốc tế.

## **31. Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế**

Sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào một lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động thương mại quốc tế của các doanh nghiệp liên quan đến quyền SHTT.

Nội dung cơ bản của học phần gồm: Tổng quan về quyền SHTT nói chung và quyền SHTT trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; quyền tác giả và hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; quyền liên quan và hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; các đối tượng của quyền SHCN có liên quan mật thiết tới

hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; xâm phạm quyền SHCN và những lưu ý dành cho doanh nghiệp trong hoạt động thương mại quốc tế; hết quyền SHTT và vấn đề nhập khẩu song song; hợp đồng Li-xăng (Licence) trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; nhượng quyền thương mại quốc tế; các biện pháp bảo vệ quyền SHTT của doanh nghiệp trong hoạt động thương mại quốc tế.

### **32. Hợp đồng thương mại quốc tế**

Học phần Hợp đồng thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế cũng như pháp luật điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế.

Đối với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về tổng quan về hợp đồng thương mại quốc tế; tự do hợp đồng; hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; pháp luật về hợp đồng đại lý và phân phối sản phẩm quốc tế; logistics quốc tế; bảo hiểm hàng hoá trong thương mại quốc tế.

### **33. Tập quán thương mại quốc tế**

Tập quán thương mại quốc tế là học phần nghiên cứu những tập quán điều chỉnh mối quan hệ pháp lý giữa các thương nhân trong hoạt động thương mại quốc tế.

Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về tập quán thương mại quốc tế, giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời, học phần còn giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết tình huống cụ thể có liên quan đến tập quán thương mại quốc tế. Cụ thể, học phần sẽ đưa ra những vụ việc thực tế, tình huống phân tích làm rõ về việc vận dụng các tập quán như là nguồn luật giải quyết tranh chấp phát sinh giữa các thương nhân trong hoạt động thương mại quốc tế.

### **34. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế**

Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế là học phần chuyên ngành bắt buộc đối với sinh viên ngành Luật thương mại quốc tế. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên ngành sâu về giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế như: Kiến thức về thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa quốc gia và quốc gia; kiến thức về thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa quốc gia và thương nhân; kiến thức về thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa thương nhân và thương nhân; kiến thức về các vấn đề pháp luật, kinh tế, chính trị, ngoại giao trong việc giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

### **35. Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1**

Học phần này cung cấp kiến thức tiếng Anh pháp lý liên quan đến Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và các Hiệp định Đầu tư Quốc tế (IIA). Học phần này giúp cho sinh viên tăng cường cả 4 kỹ năng ngôn ngữ: Nghe, nói, đọc, viết, trong đó tập trung vào kỹ năng đọc và viết để nâng cao kiến thức về cấu trúc và ngữ pháp tiếng Anh; tập trung vào các từ vựng và cách diễn đạt về Luật quốc tế, Luật thương mại và đầu tư quốc tế.

### **36. Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2**

Học phần này cung cấp kiến thức Tiếng Anh pháp lý liên quan đến xung đột pháp luật; hợp đồng mua bán quốc tế; Incoterms; tài trợ thương mại quốc tế; giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Học phần này giúp cho sinh viên tăng cường cả 4 kỹ năng ngôn ngữ: Nghe, nói, đọc, viết, trong đó tập trung vào kỹ năng đọc và viết để nâng cao kiến thức về cấu trúc và ngữ pháp tiếng Anh; tập trung vào các từ vựng và cách diễn đạt về Luật quốc tế và Luật kinh doanh quốc tế.

### **37. Các tổ chức kinh tế quốc tế**

Trong thực tiễn của thế giới toàn cầu hoá hiện nay, các tổ chức kinh tế quốc tế ngày càng có vai trò quan trọng. Do đó, việc tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, vai trò và vị trí của các tổ chức kinh tế quốc tế trong trật tự kinh tế thế giới ngày càng trở nên cần thiết. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và tìm hiểu các vấn đề: Khái quát hệ thống các tổ chức kinh tế quốc tế và sự cần thiết của quản trị kinh tế toàn cầu; các tổ chức kinh tế quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc với nhiệm vụ hợp tác kinh tế toàn cầu; Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) với nhiệm vụ hợp tác tiền tệ quốc tế và hỗ trợ tài chính cho quản lý khủng hoảng nợ; nhóm Ngân hàng thế giới (WB) với nhiệm vụ hỗ trợ tài chính cho phát triển; các diễn đàn kinh tế toàn cầu và khu vực.

### **38. Pháp luật Cộng đồng ASEAN**

Pháp luật Cộng đồng ASEAN là học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN.

Học phần Pháp luật Cộng đồng ASEAN không chỉ cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN mà còn trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cụ thể và quan trọng về: Trợ tư pháp hình sự ASEAN, hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia trong ASEAN; khu vực thương mại tự do ASEAN; khu vực đầu tư ASEAN; tự do hoá thương mại dịch vụ trong ASEAN; tự do di chuyển lao động lành nghề; tự do hoá dòng vốn; thu hẹp khoảng cách phát triển; phát triển con người; đảm bảo môi trường bền vững; tạo dựng bản sắc ASEAN; hợp tác ngoại khối; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

### **39. Pháp luật Liên minh châu Âu**

Pháp luật Liên minh châu Âu là học phần cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản và chuyên ngành về Liên minh châu Âu và pháp luật của Liên minh châu Âu.

Học phần gồm 5 nhóm vấn đề chính: (1) Nhập môn pháp luật Liên minh châu Âu; (2) Cơ chế xây dựng và thực thi pháp luật Liên minh châu Âu; (3) Liên minh kinh tế tiền tệ châu Âu; (4) Luật tư pháp và nội vụ của Liên minh châu Âu; (5) Chính sách và pháp luật đối ngoại của Liên minh châu Âu. Thông qua những vấn đề này, học phần không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản của pháp luật Liên minh châu Âu, mà còn trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề pháp lý cụ thể

của Liên minh châu Âu trong một số lĩnh vực quan trọng như: Không gian Strengen, nhập cư, thị thực, hợp tác cảnh sát, thị trường nội địa, đồng tiền chung châu Âu.

#### **40. Pháp luật hải quan**

Pháp luật hải quan là học phần tự chọn đối với sinh viên Ngành Luật thương mại quốc tế. Đây là học phần chuyên ngành nhằm mở rộng kiến thức về pháp luật hải quan và nghiệp vụ hải quan cho sinh viên Ngành Luật thương mại quốc tế.

Học phần Pháp luật hải quan sẽ cung cấp cho người học những quy định của điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên và những quy định của pháp luật hải quan Việt Nam hiện hành có đối chiếu so sánh với pháp luật hải quan một số nước trên thế giới và khu vực để thấy được sự tương đồng và sự khác biệt của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan, như xác định trị giá hải quan, xác định xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

#### **41. Pháp luật về mua sắm của Chính phủ**

Học phần Pháp luật về mua sắm của Chính phủ cung cấp cho sinh viên những kiến thức thiết yếu, từ đó góp phần nâng cao khả năng tự nghiên cứu, phân tích, đánh giá những cam kết của Việt Nam trong các FTAs được ký kết gần đây. Trên cơ sở đó, đề xuất các phương án đàm phán, xây dựng và thực thi có hiệu quả cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực mua sắm chính phủ trong thời gian sắp tới, cũng như vận dụng vào thực tiễn để giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế trong lĩnh vực mua sắm chính phủ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản: Tổng quan về mua sắm của Chính phủ và pháp luật về mua sắm của Chính phủ; pháp luật Việt Nam về mua sắm của Chính phủ; những nội dung pháp lý cơ bản của các hiệp định mua sắm của Chính phủ trong khuôn khổ WTO; những nội dung pháp lý cơ bản trong Luật mẫu về mua sắm công năm 2011 của Ủy ban của Liên hợp quốc về Luật thương mại quốc tế (UNCITRAL); những nội dung pháp lý cơ bản về mua sắm của Chính phủ trong các hiệp định thương mại tự do CPTPP và EVFTA.

#### **42. Giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài**

Học phần Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài cung cấp những kiến thức chuyên sâu về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa quốc gia và quốc gia; tranh chấp thương mại quốc tế giữa quốc gia và thương nhân. Xuyên suốt học phần, các giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên sử dụng phương pháp nghiên cứu án lệ, kỹ năng thực hành diễn án giả tưởng (moot court) khi tiếp cận và giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế.

#### **43. Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam**

Học phần Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam nghiên cứu tổng quan về chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam qua các giai đoạn, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về môi trường kinh doanh ở Việt Nam, nhất là trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức: Tổng quan về môi trường kinh doanh ở Việt Nam; chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam; pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hoá quốc tế của Việt

Nam; pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế của Việt Nam; pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế đối ngoại khác của Việt Nam.

#### **44. Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO**

Trong tiến trình toàn cầu hóa thương mại, các hàng rào bảo hộ như thuế quan và các biện pháp phi thuế quan truyền thống đã và đang bị cắt giảm mạnh mẽ, nhưng thay vào đó là các biện pháp phi thuế quan hiện đại, ngày càng tinh vi. Các biện pháp khắc phục thương mại (Trade Remedies) trở thành những biện pháp phi thuế quan lợi hại, luôn có thể bị lạm dụng để biến thành công cụ bảo hộ thương mại linh hoạt ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc hiểu biết về các biện pháp khắc phục thương mại ở các thị trường xuất khẩu, để tìm cách ứng phó thích hợp, là một trong những yêu cầu quan trọng và có tính khả thi đối với các doanh nghiệp và luật gia Việt Nam hiện nay. Việc nghiên cứu học phần Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO sẽ giúp người học nắm được những nội dung cần thiết về các biện pháp khắc phục thương mại trong Luật WTO, bao gồm các biện pháp về chống bán phá giá, chống trợ cấp, và tự vệ thương mại. Khi kết thúc học phần này, người học sẽ được trang bị các kiến thức: Tổng quan về các biện pháp khắc phục thương mại; Luật WTO về chống bán phá giá; Luật WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng; Luật WTO về tự vệ thương mại; các biện pháp khắc phục thương mại và cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO.

#### **45. Thực thi Luật WTO trong khuôn khổ pháp luật quốc gia**

Học phần Thực thi Luật WTO trong khuôn khổ pháp luật quốc gia là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức áp dụng các quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) trong hệ thống pháp luật của các nước thành viên. Học phần cung cấp các kiến thức: Tổng quan về các cách thức thực thi luật WTO trong khuôn khổ pháp luật quốc gia; pháp luật của Hoa Kỳ và EU về thực thi cam kết WTO trong hệ thống pháp luật nội địa; pháp luật Việt Nam về thực thi cam kết WTO trong hệ thống pháp luật nội địa.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành Luật thương mại quốc tế. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức thiết yếu, từ đó có thể tiếp tục tự nghiên cứu về cách thực thi cam kết của Việt Nam trong WTO. Sinh viên có kỹ năng tìm kiếm và vận dụng các văn bản pháp luật quốc tế và quốc gia để xử lý tình huống liên quan thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và sở hữu trí tuệ.

#### **46. Pháp luật về thị trường nội khối EU**

Thị trường nội khối EU là yếu tố phát triển nhất của sự hội nhập siêu quốc gia ở khu vực châu Âu. Mô hình này đã thành công trong một thời gian dài và có thể trở thành mô hình hội nhập kinh tế kiểu mẫu cho các khu vực khác trên thế giới. Pháp luật về thị trường nội khối EU là một phần của Luật EU, không chỉ là một khung thể chế mà còn bao gồm luật nội dung về hội nhập kinh tế - thương mại EU. Học phần này trước hết sẽ giới thiệu ngắn gọn về EU và Luật EU (trong điều kiện sinh viên chưa có kiến thức cơ bản về Luật EU); sau đó trình bày về pháp luật thị trường nội khối EU, tập trung giới thiệu “bốn tự do cơ bản” (tự do dịch chuyển hàng hoá, tự do dịch chuyển người lao động, tự do cung cấp dịch vụ và thành lập doanh nghiệp, tự do dịch chuyển vốn) - nền

tảng của thị trường nội khối EU. Bên cạnh đó, học phần cũng dành một phần để giới thiệu về pháp luật kinh tế đối ngoại của EU trong bối cảnh hiện nay.

#### **47. Chính sách và pháp luật thương mại của Hoa Kỳ**

Học phần Chính sách và pháp luật thương mại của Hoa Kỳ nghiên cứu chủ yếu về pháp luật và chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ, từ đó giúp cho người học có cái nhìn khái quát về môi trường kinh doanh ở Hoa Kỳ - một trong những đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Đồng thời, sinh viên sẽ tích lũy được kiến thức, đảm bảo chất lượng đầu ra của Chương trình đào tạo cử nhân Ngành Luật thương mại quốc tế. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức: Tổng quan về môi trường kinh doanh ở Hoa Kỳ; chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; pháp luật thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; cơ chế hoạch định và thực thi chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; chính sách thương mại của Hoa Kỳ đối với một số đối tác.

#### **48. Chính sách và pháp luật thương mại của Trung Quốc**

Học phần Chính sách và pháp luật thương mại của Trung Quốc nghiên cứu chủ yếu về pháp luật và chính sách thương mại, đồng thời cung cấp kiến thức về các cải cách quan trọng của Trung Quốc qua các giai đoạn, từ đó giúp cho người học có một cái nhìn khái quát để từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam khi kinh doanh với Trung Quốc. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức: Khái quát chính sách, pháp luật thương mại Trung Quốc; pháp luật thương mại của Trung Quốc; chính sách thương mại của Trung Quốc; một số kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc đổi mới chính sách và pháp luật thương mại; Việt Nam và quan hệ kinh doanh với Trung Quốc.

#### **49. Các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam**

Học phần Các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về nguyên nhân và tác động của toàn cầu hóa kinh tế cũng như các cấp độ liên kết kinh tế quốc tế từ thấp đến cao của Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan đến các công cụ chính sách để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế cũng như giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan nhất về một số liên kết kinh tế quốc tế phổ biến mà Việt Nam là thành viên. Từ đó, sinh viên định hình được các xu hướng phát triển của kinh tế theo hướng “Thế giới phẳng” và nhận biết được các cơ hội, thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam.

#### **50. Luật thuế quốc tế**

Học phần Luật thuế quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực thuế quốc tế. Học phần Luật thuế quốc tế cung cấp kiến thức về các chế định về thuế quốc tế điều chỉnh giao dịch kinh doanh quốc tế, thu nhập quốc tế và vấn đề chuyển giá quốc tế, mối liên hệ giữa pháp luật thuế quốc tế với pháp luật quốc gia và pháp luật Việt Nam về thuế quốc tế và pháp luật giải quyết tranh chấp về thuế quốc tế.

#### **51. Thương mại quốc tế liên quan đến nông nghiệp**

Học phần Thương mại quốc tế liên quan đến nông nghiệp nghiên cứu chủ yếu về pháp luật thương mại quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm nghiên cứu pháp luật của một số quốc gia trên thế giới và những cam kết trong khuôn khổ các liên kết kinh

tế khu vực và toàn cầu; cung cấp kiến thức chuyên sâu về nông nghiệp và cam kết quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp. Học phần này nghiên cứu các loại nguồn luật điều chỉnh pháp luật về nông nghiệp như cam kết trong WTO, trong các FTAs, pháp luật của các quốc gia v.v. Học phần cũng phân tích sự ảnh hưởng của các cam kết quốc tế tới chính sách pháp luật của các quốc gia. Mục đích nghiên cứu nhằm đưa ra được góc nhìn pháp lý về vấn đề này, định hướng cho các mặt hàng trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam.

## **52. Thanh toán quốc tế**

Học phần Thanh toán quốc tế là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức cơ bản về thanh toán trong lĩnh vực thương mại quốc tế và pháp luật điều chỉnh về thanh toán trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức: Khái quát về thanh toán quốc tế; cân cân thanh toán quốc tế; các phương thức thanh toán quốc tế; bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế; rủi ro trong thanh toán quốc tế - cách phòng tránh và xử lý.

## **53. Trọng tài thương mại quốc tế**

Trọng tài thương mại quốc tế là học phần pháp lý chuyên ngành, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về trọng tài thương mại quốc tế với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp tư. Các vấn đề được nghiên cứu cụ thể bao gồm: Thẩm quyền, các loại trọng tài thương mại quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế trong mối tương quan với các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế khác, tổ tụng trong trọng tài thương mại quốc tế v.v.. Bên cạnh đó, học phần còn đề cập vấn đề luật áp dụng trong trọng tài thương mại quốc tế, vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

## **54. Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế**

Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế là học phần chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản và thực tiễn về các hoạt động hàng hải như việc sử dụng tàu biển vào các mục đích dân sự như kinh tế - thương mại, vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa... Học phần đồng thời cung cấp kiến thức về giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hàng hải ở Việt Nam và quốc tế.

## **55. Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế**

Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế là học phần pháp lý chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản liên quan tới hoạt động vận chuyển hàng hóa và hành khách bằng đường hàng không quốc tế như: Cảng hàng không quốc tế, quy chế pháp lý của tàu bay, trách nhiệm của tổ bay, hợp đồng vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không quốc tế v.v..

## **56. Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế**

Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia và hoạt động thương mại của các thương nhân trong lĩnh vực thương mại dịch vụ quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế.

Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên



sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời học phần này cũng giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực thương mại dịch vụ quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế.

### **57. Pháp luật về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế**

Học phần Pháp luật về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ thể, nguồn luật điều chỉnh các vấn đề có liên quan tới bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế bao gồm pháp luật về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế; pháp luật bảo hiểm hàng hóa chuyên chở bằng đường biển; hợp đồng bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế; giám định tổn thất, khiếu nại và bồi thường về bảo hiểm trong kinh doanh quốc tế.

### **58. Quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử**

Trong một thế giới phẳng với không gian số hoá, thương mại điện tử đã tạo dựng một thị trường toàn cầu. Song hành với việc thúc đẩy hoạt động thương mại phát triển, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cũng đặt ra nhiều câu hỏi pháp lý thú vị với những người nghiên cứu và thực hành luật. Trong bối cảnh đó, học phần này được thiết kế với mong muốn trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về mối tương quan giữa quyền sở hữu trí tuệ và thương mại điện tử được bóc tách theo những nội dung cơ bản: quyền tác giả trong thương mại điện tử, quyền sở hữu công nghiệp trong thương mại điện tử, và một số vấn đề pháp lý mang tính đương đại về quảng cáo và cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử.

### **59. Luật hợp đồng so sánh**

Luật hợp đồng so sánh là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật hợp đồng của một số nước trên thế giới (Anh, Mỹ, Pháp, Đức) thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Tổng quan về luật hợp đồng so sánh; (2) Các nội dung cơ bản của luật hợp đồng của một số nước dưới góc độ so sánh.

### **60. Luật học so sánh**

Luật học so sánh là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm hai nhóm vấn đề chính: (1) Lý luận chung về luật học so sánh; (2) Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.

### **61. Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới**

Học phần Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới cung cấp cho sinh viên các khía cạnh pháp lý liên quan đến hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) doanh nghiệp xuyên biên giới. Trong những năm gần đây, làn sóng M&A ngày càng phổ biến tại nước ta bởi điều kiện đầu tư được khuyến khích trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế sâu theo chủ trương khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

hay đầu tư Việt Nam ra nước ngoài luôn được Nhà nước ta chú trọng. Bởi vậy, học phần này giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về khía cạnh pháp lý cấp thiết của thực tiễn.

Học phần trang bị cho sinh viên các nội dung cơ bản: Tổng quan về mua bán sáp nhập doanh nghiệp quốc tế; pháp luật quốc tế điều chỉnh mua bán sáp nhập doanh nghiệp quốc tế; pháp luật Việt Nam điều chỉnh mua bán sáp nhập doanh nghiệp quốc tế; rủi ro và phòng tránh rủi ro pháp lý đối với hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp quốc tế.

## **62. Kỹ năng luật gia cơ bản**

Học phần Kỹ năng luật gia cơ bản giúp các chuyên gia pháp luật tương lai phát triển các kỹ năng cơ bản, nhằm khẳng định năng lực làm việc của mình trong tương lai. Sinh viên sẽ được phát triển những kỹ năng cơ bản thông qua việc phân tích và giải quyết các bài tập dành cho sinh viên, sau đó thực hành các tình huống thực tiễn. Những kỹ năng được trang bị bao gồm: Kỹ năng cơ bản về giao tiếp bằng văn bản của luật gia; kỹ năng nghiên cứu pháp luật thực hành (phân biệt với kỹ năng nghiên cứu khoa học pháp luật của giới hàn lâm); kỹ năng cơ bản về giao tiếp dùng lời nói và không dùng lời nói của luật gia. Các kỹ năng luật gia khác như: kỹ năng trao đổi, phỏng vấn và tư vấn khách hàng; kỹ năng thương lượng và biện hộ; kỹ năng diễn án giả tưởng... sẽ được phát triển trong các học phần kế tiếp của Chương trình đào tạo cử nhân Ngành Luật thương mại quốc tế (dành cho sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4) như môn Kỹ năng luật gia nâng cao.

## **63. Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ**

Học phần Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ trang bị cho sinh viên một trong những kỹ năng cơ bản của các luật gia trong hệ thống common law, civil law và luật gia quốc tế, nhằm khẳng định năng lực làm việc của họ trong môi trường quốc tế. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng về nhận diện và áp dụng án lệ cũng như kỹ năng phân tích và lập luận trong hệ thống common law, civil law, hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật thương mại quốc tế và pháp luật đầu tư quốc tế.

## **64. Xây dựng văn bản pháp luật**

Học phần Xây dựng văn bản pháp luật là môn khoa học pháp lý ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật, đặc biệt là kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật.

Học phần được chia thành hai phần:

- Phần lý thuyết tập trung giới thiệu những vấn đề xây dựng văn bản pháp luật theo từng loại văn bản với những nội dung sau: Khái quát về văn bản pháp luật; quy trình xây dựng văn bản pháp luật; cách thức trình bày hình thức và nội dung của văn bản pháp luật; cách thức kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản pháp luật.

- Phần thực hành: Trên cơ sở lý thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng giải quyết bài tập tình huống cụ thể để soạn thảo văn bản pháp luật.

## **65. Kỹ năng luật gia nâng cao**

Học phần Kỹ năng luật gia nâng cao dành cho sinh viên Ngành Luật thương mại quốc tế giúp các luật gia tương lai phát triển các kỹ năng nghề luật ở mức độ cao hơn

so với các kỹ năng cơ bản đã được giới thiệu ở môn học Kỹ năng luật gia cơ bản. Các kỹ năng được giới thiệu ở môn học này là các kỹ năng trao đổi trực tiếp bằng lời nói, bao gồm 3 loại: Kỹ năng phỏng vấn và tư vấn khách hàng; kỹ năng đàm phán và kỹ năng tranh tụng.

### **66. Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế**

Học phần Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế hướng tới mục tiêu củng cố cho sinh viên các kiến thức liên quan tới nhiều lĩnh vực khác nhau của Luật thương mại quốc tế.

Đồng thời, học phần cũng cung cấp và đào tạo sinh viên các kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu pháp luật, kỹ năng viết bản luận cứ và tranh tụng trực tiếp thông qua việc tham gia vào các tình huống mô phỏng quy trình giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

Học phần Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng kỹ năng thực hành pháp luật, đặc biệt là kỹ năng tranh tụng cho sinh viên. Sinh viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng tích lũy được trong quá trình học tập để vận dụng vào các cuộc thi Phiên tòa giả định trong nước và quốc tế, cũng như vận dụng các kỹ năng trong công việc sau khi tốt nghiệp.

### **67. Luật thi hành án dân sự**

Học phần Luật thi hành án dân sự (LTHADS) cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lý luận về LTHADS, nội dung các quy định của pháp luật THADS và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án bao gồm: Khái niệm chung về LTHADS; xã hội hoá THADS, các nguyên tắc cơ bản của LTHADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức THADS, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; thời hiệu, thẩm quyền và trình tự, thủ tục THADS; các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế THADS; miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong THADS, phí và chi phí cưỡng chế THADS; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm trong THADS.

### **68. Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ**

Các biện pháp bảo đảm được xác lập nhằm mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của các chủ thể quan hệ pháp luật dân sự. Xét trong mối quan hệ với nghĩa vụ được bảo đảm thì biện pháp bảo đảm có mối quan hệ vừa phụ thuộc, vừa độc lập. Pháp luật hiện hành của Việt Nam đã quy định chung về các biện pháp bảo đảm, đồng thời quy định chi tiết các biện pháp: Cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, tín chấp, bảo lưu quyền sở hữu, cầm giữ tài sản là các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Học phần Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm các nội dung sau: Khái quát chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; tài sản bảo đảm; xác lập, thực hiện, chấm

dứt giao dịch bảo đảm; hiệu lực của giao dịch bảo đảm, hiệu lực đối kháng với người thứ ba; xử lý tài sản bảo đảm.

### **69. Luật lao động**

Luật lao động là học phần nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động-xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Cơ chế ba bên, quản lý nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ HĐLĐ, thoả ước lao động tập thể, các điều kiện lao động, quản lý lao động trong doanh nghiệp, tranh chấp lao động, đình công. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý của Việt Nam, học phần luật lao động còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế (trong khuôn khổ các quy tắc pháp lý lao động của Tổ chức lao động quốc tế - ILO) và của khu vực.

### **70. Luật tài chính**

Học phần Luật tài chính cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật tài chính công như pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về thuế. Qua học phần này, người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về chính sách tài chính công cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động tài chính công của Việt Nam.

### **71. Luật ngân hàng**

Luật Ngân hàng là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh ngân hàng, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh ngân hàng và quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng. Học phần này trang bị cho người học các nội dung cơ bản: Những vấn đề lý luận về ngân hàng và luật ngân hàng; pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước; pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng; pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng; pháp luật về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng; pháp luật về dịch vụ thanh toán; pháp luật về hoạt động ngoại hối.

### **72. Luật đất đai**

Luật Đất đai là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về chế độ sở hữu, chế độ quản lý đất đai ở Việt Nam. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lý luận và thực tiễn về địa vị pháp lý của người sử dụng đất, về quản lý và sử dụng các loại đất, trình tự và thủ tục trong quản lý, sử dụng đất đai. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về thanh tra, giám sát; xử lý các vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

Học phần được xây dựng với 1 module, kết cấu 4 phần chính gồm: Các vấn đề lý luận chung về luật đất đai và sở hữu toàn dân về đất đai; chế độ quản lý đất đai; địa vị pháp lý của người sử dụng đất; thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai. Nội dung chi tiết học phần chia thành 08 vấn đề chủ yếu bao quát toàn bộ các chế định của ngành Luật đất đai.

### **73. Luật môi trường**

Luật môi trường là học phần thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung trước tiên mà học phần

này đề cập là một số vấn đề mang tính lý luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Tiếp đó, học phần nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, như kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.

#### **74. Luật môi trường quốc tế**

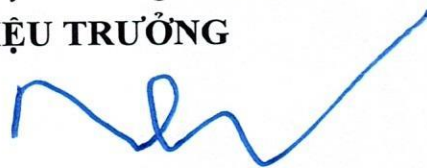
Luật môi trường quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường, các vấn lý đề lý luận của luật môi trường quốc tế. Học phần đồng thời cũng cung cấp các kiến thức pháp lý về các chuẩn mực và nghĩa vụ pháp lý bảo vệ các thành phần của môi trường như đa dạng sinh học, không khí, khí hậu cũng như các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với chất thải xuyên biên giới. Ngoài ra, học phần cũng sẽ cung cấp những kiến thức pháp lý về cơ chế đảm bảo thực thi nghĩa vụ của các chủ thể trong luật môi trường quốc tế như trách nhiệm pháp lý, cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế về môi trường và liên hệ thực tiễn Việt Nam để vận dụng và đáp ứng các nghĩa vụ pháp lý quốc tế về môi trường khi tiến hành các hành vi cụ thể.

#### **75. Kỹ năng đàm phán, ký kết, thực hiện Điều ước quốc tế**

Kỹ năng đàm phán, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế (ĐUQT) là học phần chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như thực tiễn đàm phán, ký kết và thực hiện ĐUQT; giúp người học nắm bắt được chiến lược, chiến thuật đàm phán, cách thức triển khai đàm phán, kỹ năng đàm phán và soạn thảo một số văn kiện ngoại giao trong đàm phán ký kết điều ước quốc tế.... Trên cơ sở đó, người học có thể áp dụng, xem xét, đánh giá thực tiễn đàm phán, ký kết và thực tiễn ĐUQT của Việt Nam trong một số lĩnh vực, đặc biệt là các ĐUQT trong lĩnh vực thương mại, quyền con người và hợp tác đầu trong phòng chống tội phạm./.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đoàn Trung Kiên**